AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

NĂM NHÂM-THÂN số 33

NGÀY 19 MARS 1932

DÉPOT LÉGAL
BIBLIOTHÈQUE SUPÉRIEURE
TONKIN

DÉPÔT LÉGAL
INDO-CHINE
N° 17313

安南雜誌



Directeur :
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur :
NGÔ-THỨC-ĐỊCH

GIÁ BÁO

Một năm . . . 5$00
Nửa năm. . . 2,60
Một số 0,10

Toa bao : 68, Phố hàng Khoai - Hanoi

149

Do Võ Phi Hùng Cung Hỷ Thiên Bảo 27/7/72 Kính Vương Chí Hiếu Chí Thọ Tuổi Xuất Quan Vạn Phúc

Khản-cáo

Muốn tiện việc sổ-sách, xin nhắc lại để các ngài Đại-lý nhớ cho rằng: từ nay, cứ vào ngày mồng 5 đầu tháng, xin các Ngài cho biết số báo bán trong tháng trước và nhân tiện gửi mandat về cho. Bản-chí lấy làm cảm tạ lắm lắm.

☆☆

Vì số báo vừa ra, được các độc-giả đặc biệt hoan-nghinh, nên số báo in ra hiện ở Hanoi đã bán hết cả. Vậy xin các ngài đại-lý ở các tỉnh, nếu số báo 32 còn thừa lại, thì xin gửi ngay về cho.

Kính cáo
An-nam Tạp-chí

MÔN THUỐC TRỊ BỆNH

đau dạ dầy, ăn chậm tiêu, dầy da-bụng rất tài

Thuốc này của nhà Y-học trứ-danh Trung-hoa phát-minh ra, đã chữa được nhiều người khỏi, dù bệnh mới phải, hay đã lâu năm, uống vào lập tức hiệu nghiệm. Thống trị hết thảy các chứng như: đau bụng, đau bão, đau ngực, đau tim, đau gan, đau ruột, đau cạnh sườn, đau dạ dầy, ăn uống chậm tiêu, dầy hơi nôn oẹ, hoặc ăn vào thổ ra, hoặc khi no đau, hoặc khi đói đau, lúc đau lúc không như người giả cách, có người hay đau về mùa lạnh, có người hay đau về mùa nóng, có người thường đau quanh năm, có khi đau nổi hòn, nổi cục lên, rồi lại tan như không, hoặc đàn-bà dạ-con hư lạnh, huyết-độc tích kết mà sinh ra đau v...v... Dùng thuốc này đều được khỏi cả.

Mỗi ve 1$00 — 6 ve 5$00
Bán tại **Á-CHÂU-DƯỢC-PHÒNG**
No 127, hàng Bông — Hanoi

Các ngài ở xa gần nên đến, hoặc viết thư về kể rõ ràng căn bệnh, mà mua theo cách lĩnh-hóa giao-ngân rất được nhanh chóng và cẩn thận.

THAY HUYẾT XẤU, SINH HUYẾT TỐT

MỘT CÁCH RẤT TÀI!

Nguyên thứ **Nhân tạo huyết** là của nhà Y-học Trung-hoa sáng chế ra, mùi thơm vị ngọt, bổ huyết rất mạnh, chỉ uống trong một chai là thấy công hiệu ngay, nên xưa nay đã được Xã-hội hoan-nghênh và công nhận là một thứ thuốc Bổ-huyết rất hay, có thể thay huyết xấu sinh huyết tốt cho thân thể người. Vậy ngài nào lao tâm quá độ, tim thuyết hư nhược, tinh thần mỏi mệt, kém ăn ít ngủ, hoặc ốm mới khỏi dậy, da thịt xanh xao, thân thể gầy còm gân cốt yếu đuối, hoặc ham mê sắc dục, âm hư huyết nhược, tâm thận suy bại, tinh khí bất cố, hoặc đàn bà khí huyết xấu kém, kinh kỳ bất điều, dong huyết, băng huyết, bạch đái, sản hậu ít sữa, chóng mặt nhức đầu, và các chứng thuộc về huyết hư v. v. Nam, Nữ, Lão, thiếu điều đều dùng được cả.

Mỗi chai 1p.50 (6 chai) 7p.50

NGŨ TỈNH DƯỢC PHÒNG
114 Phố hàng Bông — Hanoi

Ngài nào ở xa xin cứ viết thơ về kể bệnh mua thuốc, gửi theo cách lĩnh hóa giao ngân, rất được nhanh chóng và cẩn thận, và có gửi bán tại:

Hiệu An-lạc, 41 phố Hậu-an Sơn-tây.
Hiệu Đông-châu 223 phố Tiền-an Bắc-ninh.
Hiệu Sinh-huy 44 Av. Maréchal Foch Vinh.

NGHĨA-VỤ BẠN TÂN-HỌC ĐỐI VỚI QUỐC-VĂN

III

Văn có tư-tưởng, lại phải có tình-cảm, thì tư-tưởng mới cảm-hóa được người đọc người xem.— Lại có khi văn ít tư-tưởng, mà nhiều cảm-tình, lấy cảm-tình ấy cũng đủ sai khiến được trăm nghìn tình-cảm của người khác, rèn đúc được ức vạn tâm-hồn khác.—Cái « oai-quyền của câu văn » (*la puissance du Verbe*), cái thế-lực của nhà Thi-sĩ, riêng ở chỗ đó — Chính-phủ Tô-nga hiện nay, chẳng nói ai cũng rõ, nào phải là một chính-phủ chuộng hư-văn, - thế mà cũng phải lập ra những văn-sĩ đoàn (*brigade d'écrivains*). để lấy thơ mà làm phấn-chấn lòng dân.(1)— Ấy bởi vì khi nào tình cảm đã rung-động thì trí-khôn khó mà phân biệt được tư-tưởng hay hay là dở, chỉ nghe tiếng gọi của tình-cảm mà vâng theo đó chăng? Biết hổ-thẹn vì thế-cục mà lánh xa không muốn nghe khúc Hậu - đình,— song ví - dụ tiếng ai hát khúc Hậu - đình lọt vào tai ai lúc canh vắng đêm trường, e thay cho tấm gan vàng của ai!... Cái sức mạnh của tình-cảm là thế. – Lại phải biết sức mạnh ấy súc động được tới một số nhiều người hơn là sức mạnh của tư-tưởng. Cái sức mạnh của tư-tưởng là một sức mạnh lặn vào trong, mà sức mạnh của cảm-tình lộ ngay ra ngoài. — Hiểu tư-tưởng hay, thờ tư-tưởng chính,-đính không phải là ai ai cũng tới được cái bực ấy. Còn như câu cười, tiếng khóc, nỗi giận, nỗi sợ, nỗi ghét, nỗi thương, sinh ra cõi đời ai cũng như ai, người không có học - thức cũng có thể cảm. Người có học - thức, khi đứng trước một bên là tư-tưởng, một bên là cảm - tình, hiểu cái tư-tưởng phải mà theo cái cảm-tình hư, điều đó coi ngay áng thanh-niên của ta, đọc ngay văn thanh-niên của ta, chẳng đã thấy rõ đó ư? Tình-cảm mới, tình-cảm mới! Có kẻ than rằng: tìm cho thấy một chút tình - cảm mới trong văn - chương mới xuất-bản, khó hơn tìm một hột vàng lẫn trong nghìn vạn hột cát. Đó chính là một cái hiểm-tượng mà bạn tân-học ta, ai biết yêu thương quốc - văn, cung - kính quốc-văn, phải nên mau mau ra công đề-phòng cho cái tinh-thần quốc-văn vậy. Tình-cảm mới, tình - cảm mới! Non cao nước chảy, vượn hót ve ngâm, rượu lưng bầu, thơ lưng túi, người nghe thung - thăng, con thuyền lơ-lửng, này giăng chiều, này gió sớm, này mảnh quần-hồng của ai hoen ố rượu, này khúc đàn ai một tiếng dương tranh,— lỡ một lầm hai, nay lần mai lữa, nước cũ vẫn là nước cũ, hỏi ai ai có thẹn cùng nước non, mà giận cùng những cái tình-cảm yếu-nhược của đời cũ? Những cái cảnh-vật đã lay động được tinh-tình của người cũ ấy, trong đời mới này, sở-dĩ còn có sức mạnh mà lấy động được tình - tình của nhiều « người mới » có nhẽ vì ta chưa có mối tình cảm mới nào để cống - hiến cho nền quốc - văn chăng? *Enéide* của **Virgile**, một áng văn-chương mà bạn tân-học ta nên ngày đêm tụng độc, để hàm-dưỡng lấy tư-vị: êm-ái còn gì bằng văn ấy, thực cũng « trong như tiếng hạc bay qua »— thế mà tình-cảm cứng-cát, mạnh-mẽ cũng lại không gì bằng. Ngòi bút của nhà thi-sĩ *Virgile* viết khúc « anh - hùng ca » đó thực đã giúp cho thế-lực giống nòi La-mã cũng mạnh bằng gươm báu của *César* vậy. Bạn tân-học đọc triết - học của **Nietzsche**, chẳng còn nhớ câu hỏi: « Ta dạy cho anh cái tinh-thần làm người trên. Người là một giống vật sinh ra để mà cố gắng cho ngày càng lên trình - độ cao hơn trình-độ làm người. Anh đã cố gắng cho ngày càng lên cao, để vượt qua bực làm người được chút nào chưa? » (*Je vous enseigne le surhumain. L'homme est un animal qui est fait*

(1) Đọc ở một số báo *Văn-học tân-văn* (Nouvelles Littéraires) ở *Paris* mới đây.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

pour se surpasser. Qu'avez-vous fait pour le surpasser?...) Vượt qua bực làm người, là nên bực «thượng-nhân» *(sur homme)*, bực người trên, gan góc sắt đá, lay không chuyển, rung không rời, làm ông thánh sống vì chỗ quả quyết đó vậy. Thế-giới này đã là thế-giới mới, tìm cảm-tình mới trong văn-chương Âu-Mỹ đã chẳng khó, tìm cảm-tình mới trong hiện-tượng mới lại càng khốn khó. Đời máy móc, có cái «vẻ nên thơ» của máy móc *(poésie de la Machine)*. Đời lao-động: có cái vẻ nên thơ của sự lao-động *(poésie du Travail)*. Đời cạnh-tranh, có cái vẻ nên thơ của cạnh-tranh. Ở đời giời bát khổ, làm người giời bắt sầu, nhưng có «nhàn định thắng thiên sao chẳng có? Can chi phải «ra ngẩn vào ngơ» mãi, «nhớ nhớ thương thương» mãi, «đau đau đớn đớn» mãi câu văn vong quốc, tiếng khóc tiêu hồn? Tân quốc-văn sau này sẽ có nhiều tình-cảm mới, đó còn tùy ở mỗi nhà văn thu vào tân-quốc-văn một mối cảm xưa kia chưa có; những mối cảm ấy, nói riêng từng mối thì càng nhiều mối cảm khác nhau, càng may cho văn mới, nói trong cái tinh-thần của tất cả tình-cảm đó gồm lại, bất ngoại một tính-cách: phải sao cho rèn đúc được để tân-quốc-văn có một cái hồn cứng, mạnh, có một cái sức-lực cổ-võ phấn-khởi lòng người, giục cho ai nấy đều nuôi cái chí cá-nhân phải có tiến bộ về đường tinh-thần, chẳng là «thượng-nhân» «người trên», như chủ-nghĩa của nhà triết-học **Nietzsche**, thì cũng phải là «thí-sai» cái địa-vị bề trên; — nhiên-hậu xã-hội mới có ngày đổi mới một cách mau chóng và rực rỡ.

Sau khi luận về tư-tưởng mới và tình-cảm mới trong áng quốc-văn mới, còn điều thứ ba là: nhời văn mới. — Nhời văn thế nào là mới? Mong độc-giả sẽ cho phép cùng bàn ở một kỳ sau.

Quốc-văn mới, phải sao cho có hồn mới, nghĩa là tư-tưởng mới và tình-cảm mới (1). Song nếu nhời nhẽ mà không mới, thì tưởng văn ấy cũng chưa phải là mới. Đối với nhiều bài văn tuyệt-tác, kẻ đố-kỵ muốn giảm giá-trị của nhà văn, thường mượn câu «sác không có hồn» mà ví. Nhưng «hồn không có sác», có nhẽ cũng nguy cho hồn lắm. Vì nếu hồn cam chịu bông-lông bay-bổng, như thực như có, như hư như không, chẳng tai ai nghe chẳng mắt ai trông, thì không có sác cũng không e gì; nhưng cái hồn văn là một cái hồn sở-dĩ đáng quí, chính ở cái chỗ khiến cho mắt người phải trông đến, tai người phải nghe đến, rồi trí người phải nghĩ-ngợi, lòng người phải rung-động vì văn. — Muốn có cái sức nhường ấy, cảm tình và tư-tưởng của nhà văn phải mượn nhời mà phát ra, lại phải mượn cái đẹp cái hay của nhời mà bắt người ta phải để ý đến. **Anatole France** có nói: «Vô phúc thay cho nhà văn nào mà dám khinh nhời văn! Văn sở-dĩ lưu-truyền thiên-cổ, là nhờ về cái nhời văn hay mà thôi. Tư-tưởng được thêm giá-trị cũng nhờ về cái nhời khéo đem diễn giải ra. Đem nhời mới mà diễn-giải một cái ý-tưởng cũ, đó chính là mỹ-thuật gồm cả ở đấy.» *(Malheur à qui méprise la forme! On ne dure que par elle. Une idée ne vaut que par la forme. Donner une forme nouvelle à une vieille idée, c'est tout l'art...)*

Tuy câu chuyện «quốc-văn mới» này, không phải là một câu chuyện mỹ-thuật, mà là một câu chuyện có quan-hệ đến vận nước, nhưng văn-chương muốn có ích cho nước, cũng phải có vẻ đẹp, vì không đẹp thì ai chuộng? *(Còn nữa)*

Nguyễn-tiến-Lãng

(1) Xem An-nam Tạp-chí số 31-và 32.

Kỳ sau sẽ có bài «Bài trừ cái nạn Phan-Khôi ở Nam-Kỳ», cùng bài «Tống-nho với phụ-nữ».

Cho yên lòng trẻ

Các thầy đội xếp bên ta chắc có vẻ hiền lành, hay nói rõ ra thì trẻ con trông thấy các thầy những hoảng hồn chạy trốn.

Nhưng ở Nam Mỹ-Châu thì khác hẳn. Trẻ con các xứ ấy sợ thầy «phú lít» như trẻ con ta sợ ông «ba bị chín quai»! Đến nỗi, ở Colombie, họ phải họp hết trẻ con lại để giảng cho chúng rõ các thầy không có gì đáng sợ cả. 1400 thầy đội-xếp phải chia nhau đi từng nhà để phát kẹo và đồ chơi cho trẻ con.

VẤN-ĐỀ CHẤN-HƯNG THUỐC NAM

Mấy năm trước, nhiều nhà hữu tâm với thế-cục, đã bao phen hô-hào về việc chấn-hưng thuốc Nam; sau rồi thấy bẵng hẳn; đến nay lại thấy có đôi nơi hô-hào việc ấy.

Nghĩ như «chấn-hưng thuốc Nam» là một vấn-đề rất quan-trọng, rất thiết thực bổ-ích cho quốc-dân, mà chỉ thấy có những sự hô-hào xuông, không từng thấy thực-hành đôi chút. Chẳng đáng lạ mà đáng chán cho xã-hội lắm ru?

Chúng tôi, con nhà buôn thuốc bắc mấy đời nay, cũng nhờ về nghề thuốc bắc này mà được phần no ấm; lẽ ra chúng tôi phải lo về bồi-bổ bên thuốc bắc, để cho được lâu bền dài vững cách sinh-nhai, vậy mà nay tôi cũng hưởng-ứng hô-hào việc chấn-hưng thuốc Nam, cứ thường-tình chẳng hóa là dại?

Song chúng tôi trộm nghĩ, có mấy điều:

1°) — Thuốc bắc là thuốc của người Tàu đem sang. Thuốc ngày một xấu, giá ngày một cao; lại thêm thuế nhập-cảng ngày càng nặng-nề, giá lại càng cao mãi. Rồi đây vì lẽ gì mà người Tàu hoặc không bán thuốc cho ta nữa, thì người nước ta lấy đâu mà dùng để chữa bệnh như từ nay về trước ru?

2°) — Sách dạy làm thầy thuốc cũng lại toàn sách bằng chữ Tàu. Các nhà thông-nho một ngày một hiếm, các thầy danh-sư cũng ít dần, thời rồi đây, sau chừng mười năm nữa, lấy ai kế tiếp nghề làm thuốc để cứu chữa các người đau ốm trong quốc-dân?

3. — Thuốc Nam là thuốc của nước ta, sinh sản ở xứ ta, trong vườn, ngoài ruộng, trên rừng nhan nhản đều có; tính thuốc lại hợp thủy thổ chữa bệnh dễ phần công hiệu hơn. Gía thuốc cũng lại dẻ, tìm kiếm dễ có. Lỡ khi cấp cứu, muốn dùng đến rất là không khó-khăn.

4. — Các môn gia-truyền từ xưa đã có biết bao phương, đến nay còn lại ít nhiều, người Âu-tây cũng từng có khen la thần hiệu. (1)

5. — Người tỉnh thành, kẻ giầu sang có thể muốn uống thuốc gì cũng được; còn như phần đông người quê ta nghèo cực túng bấn, lo ăn chẳng đủ, tiền đâu mà uống những thứ thuốc từ hàng đồng bạc giở lên? Nay rộng có các thứ thuốc Nam bán rẻ tiền, tiện cho dân quê dùng uống, thì họ được khỏi bệnh, được no khỏe. Dân quê no khỏe bao nhiêu, gia công cầy cấy bấy nhiêu. Nhà nông được phong doanh, thời các nghề khác cũng nhờ đấy mà mới chấn-hưng được.

Biết sẽ có hai sự nguy như thế; hiểu có ba lẽ lợi như thế. Ta nên phải cùng nhau sớm liệu, tìm phương nghĩ kế lo làm sao được thành môn thuốc Nam, bắt đầu chấn-hưng từ nay, thì chừng khoảng mười năm sau giở đi, may ra mới có mong ít nhiều hiệu quả vậy.

Thuộc về sự thực muốn chấn-hưng thuốc Nam, thời thiển ý của chúng tôi nghĩ phải có cần đến bốn việc.

1. — Làm một quyển sách bản thảo thuốc Nam rất tinh vi tường tế. Các vị thuốc, có tên bằng chữ Tàu, có tên bằng chữ Tây, có tên bằng chữ Nam; ba thứ tên đối chiếu nhau. Lại có hình vẽ rõ ràng, nói rõ nơi sản xuất, chủ trị về bệnh gì. Quyển bản thảo có làm xong thời các môn thuốc gia truyền còn lại kia, mới mong có phần lợi-dụng được. Vì có nhiều vị thuốc, mỗi xứ kêu tên mỗi khác. Chỗ nào biết đích-xác thứ cây (thuốc) ấy, tên là thế, mấy dám quả quyết mà dùng, còn như các nơi biết mập mờ còn hồ nghi, thì dẫu bài thuốc gia-truyền có hay đến đâu, mà vị thuốc không tường, thời sự dùng chữa cũng rứt là nguy hiểm vậy.

2. — Phải chỉ vẽ cho các người nghèo-cực biết các cây thuốc có nhiều và dùng được nhiều việc, để cho họ đi tìm đi kiếm, đem về bán cho các hiệu thuốc, các thầy lang; như thế cũng thêm nghề cho dân quê rộng cách kiếm ăn.

3. — Kê cứu các phương thuốc bắc, các bài gia-truyền mà lựa chọn thuốc Nam thế vào biệt lập thành những phương mới. Rồi một phần công-bố cho công-chúng biết, một phần làm hoàn-tán, bán một giá rất phải chăng. Nhiều người thấy giá thuốc rẻ, mà công hiệu so với thuốc bắc không kém nào, thời ai còn cần gì mà phải dùng thuốc bắc làm chi nữa.

Vẫn biết thuốc bắc cũng có nhiều vị mà thuốc ta không có vị gì đủ thế được, nhưng vị đó thật quả tìm đâu không có, bấy giờ ta mới đành lòng lấy thuốc bắc mà dùng. Nếu còn có thể tìm được ra thời nên cố tìm cho đến thấy, không nên sớm vội ngã lòng.

4. — Mở một Tạp-chí gọi là «*Y-học tuần-báo*» để cổ-động công việc chấn-hưng, để kê cứu, để lấy tin-tức trao-đổi của ba kỳ. Tạp-chí này mà xuất bản được chăng, thời sự chấn-hưng kia mới mong có cơ-quan hoạt-bát vậy,

Bốn việc này có thực-hành, mới mong cái vấn-đề chấn-hưng thuốc Nam có một ngày kết-quả, song nói thời dễ, biết nào ai có chí, có lực, sốt-sắng mà thực-hành hay chăng? Về phần chúng tôi, chúng tôi đương thực-hành ba việc nói trên. Còn việc mở tạp-chí là việc rất to lớn, riêng phần chúng tôi có lẽ lo không xong, ước-ao được có năm ba nhà trí-thức đồng chí, am hiểu Tây, Nam, Bắc y-học, cùng tán-thành giúp sức, họa may mới có thanh-lập chăng!

(1). — Quan Docteur Sallé ở Tourane cũng đang kê cứu thuốc Nam, đã nhiều lần ông đang lên báo ngợi khen thuốc Nam nhiều phương thần-hiệu.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Thuộc về công việc của *Y-học-tuần-báo* chúng tôi cũng đã dự nghĩ đại-khái nên có những điều-mục, nhân tiện xin tường kê như sau này:

1° — Xã-thuyết.
2° — Kê cứu thuốc bắc thuốc nam.
3° — Kê cứu thuốc nam.
4° — Bàn về Y-lý.
5° — Tri-thức trị bệnh phổ-thông.
6° — Y-án.
7° — Trung, tây y-phương.
8° — Vệ-sinh thuật.
9° — Nhàn-đàm.
10° — Tân-văn.
11° — Tự-vị.
12° — Mách giúp các nhà bệnh, thầy giỏi thuốc hay.
13° — Tin tức vấn-đáp.
14° — Trích ra 15% số tiền thu-nhập về chỗ bán báo trả tiền ngay, để cấp học-bổng cho học-trò nghèo muốn theo đuổi học làm nghề thuốc.
15° — Treo thưởng cho ai làm được sách thuốc có giá-trị.
16° — Bảo-trợ cho các nhà có các môn gia-truyền không muốn bán, giữ làm gia-bảo.

Công việc của Tạp-chí chừng ấy, tưởng cũng đã trọng đại; thi hành được chu-đáo, tưởng cũng là khó thay! Trong ba kỳ có ai để ý chăng? Chúng tôi lấy làm mong mỏi vô cùng.

Trong khi tờ Tuần-báo dự tưởng đó chưa ra, thì từ nay chúng tôi có tin-tức gì hay, hãy xin nhờ ở Tạp-Chí An-Nam đây làm nơi đàm-luận.

Vấn-đề «chấn-hứng thuốc nam», về phần chúng tôi nghĩ như thế; còn về phần các nhà xưa nay vẫn hô-hào nghĩ sao? Các vị thông hiểu Trung, Tây Y-học có cho vấn-đề này là thiết-thời hay chăng? Thật ai có biểu đồng-tình, xin mau mau ta cùng bắt tay vô việc.

Phó-đức-Thành

Vĩnh-hưng-Tường — Vinh.

Hội chợ của Phụ-nữ năm 1932

Sẽ mở từ ngày 1er cho tới 7 Mai tại Saigon

Nghe cái tên Hội chợ của Phu-nữ, thì ai cũng đều hiểu đó là một phiên chợ của phụ-nữ Việt-nam chung công góp sức nhau lại mà tổ-chứcra, để có chỗ cho chị em tranh hay khoe khéo, chỉ vẽ lẫn nhau vậy. Những đồ vật sẽ đem chưng bầy trong Hội chợ, là những đồ do tay Phụ-nữ làm ra, như đồ thêu, đồ may, đồ dệt, vẽ... và những món ăn ngon lành như bánh, mứt, nem, dưa... bất kỳ ai có làm ra được nhiều hay một vài món, cũng đều nên đem chưng bầy trong Hội chợ cả.

Cuộc Hội chợ này nó có gồm cái ý-nghĩa đấu xảo trong đó, chắc chị em vẫn biết như thế, Hội chợ là chỗ chưng-bầy đồ-vật mà bán lấy tiền, còn Đấu-xảo là có cạnh tranh hơn thua, hay dở; Hội chợ của chị em đây sẽ có cả hai ý ấy. Mà có như vậy mới là hoàn toàn một cuộc Hội chợ của phụ-nữ.

Người bận việc, có nghề hay tài khéo, không thể làm ra đồ cho nhiều mà bán, chỉ làm một vài món để đấu cái khéo chơi, trong Hội chợ này cũng có chỗ cho chị em phô bầy, mà người có nghề khéo, đồ tốt, lại làm ra được nhiều, vừa để đấu-xảo, vừa để bán ra cho đồng-bào dùng. Hội chợ này cũng là một chốn thương-trường nhỏ dành sẵn cho chị em vậy.

Thể lệ Hội chợ, hiện nay ban Hội-đồng tổ-chức đang bàn tính, chưa quyết-định kịp, nhưng Bản-báo có thể mách cho chị em biết đại-lược một đôi điều như sau này:

1° Những đồ của chị em ở xa, gửi đến đấu, hội sẽ trông nom sắp đặt giùm, khi đấu xong hội sẽ gửi trả lại, bằng như muốn đấu mà cũng muốn bán nữa, thì chị em cứ định giá tiền, hội sẽ đấu, sẽ bán giùm, và sẽ gởi tiền, hoặc gởi đồ giả lại, nguyên chủ sau khi mãn cuộc.

2° Chị em ở gần, muốn tự mình chương bầy đồ của mình ra mà đấu, hoặc bán, hội sẽ cho mướn chỗ để tùy ý chị em sắp đặt cho vừa lòng.

Trên đây Bản-báo chỉ kể đại-lược một đôi điều, chớ hội sẽ còn sắp đặt rất nhiều cuộc vui chơi và ích lợi cho phụ-nữ lắm.

Vậy từ nay chị em xa gần hãy dự-bị cho sớm những món nữ-công để cùng chung tài góp sức với nhau mà làm cho Hội chợ của phụ-nữ, năm 1932, được hoàn-toàn đứng đắn.

Chị em muốn cần hỏi điều chi xin do nơi báo quán; Phụ-nữ Tân-văn Saigon.

NÊN BIẾT PHÁP LUẬT

Để giữ quyền lợi, để tỏ nỗi oan

Anh em! muốn khỏi phải mắc lừa, nhận kỹ tên sau này: M. *Joseph* **Trần-đình-Trúc** *Luật-Khoa cử-nhân* trường Đại-học Paris cố-vấn pháp-luật.

Số 16 phố Hà-Trung (ngõ Trạm cũ) Hanoi

1° Giúp việc kiện cáo, đòi hộ công nợ, làm các đơn từ, xin tại ngoại hậu cứu, tạm tha, ân xá v.v...

2° Thay quyền nhà buôn, làm sổ sách và quảng-cáo.

3° Quản lý nhà cho thuê và đồn điền.

Ở xa muốn làm đơn từ bằng chữ tây cứ viết thư đến bản sở. (Ai muốn nhờ cắt nghĩa hộ việc mình cho trạng sư tây hiểu đầu đuôi để dễ cãi cứ đến, vì không phải giả tiền).

KHỔNG PHU-TỬ VỚI ĐẠT-NHĨ-VĂN HAY LÀ CÁI LUẬT TỰ-NHIÊN ĐÀO-THẢI

II

Trên kia tôi có kể một vài cái thí-dụ để làm chứng-cớ. Tuy trong Khổng-giáo không có những cái thí-dụ in như thế, song ký-truyện của Trung-hoa có biên-khảo một truyện hơi na ná. Trong Thanh-lê-tử có chép:

«Vua nước *Ngô* muốn đem quân đi đánh nước *Kinh*. Đã nhiều người can-ngăn vua nhất-định không nghe. Sau lại hạ-lệnh rằng: «Ai can ta đánh nước *Kinh* thì phải xử-tử.»

Có một viên quan trẻ tuổi, muốn can ngăn mà không dám nói, luôn ba ngày, cứ sáng sớm, cầm cung tên đứng vườn sau nhà vua, sương xuống ướt đầm cả áo.

Hôm thứ ba, vua gặp, mới hỏi rằng:

«*Ngươi đến đây làm gì mà để sương xuống ướt cả áo như thế?*»

Viên quan thưa rằng:

— *Trong vườn có cây cổ-thụ. Chót vót trên ngọn cây, có con ve-sầu hút gió uống sương, rả rích kêu cả ngày tưởng đã được yên-thân lắm. Biết đâu, đằng sau có con bọ ngựa đang giơ hai càng chực bắt. Chính con bọ ngựa muốn bắt con ve sầu, lại biết đâu đằng sau có con chim sẻ nghển cổ chực mổ. Chính con chim sẻ muốn bắt con bọ ngựa, lại biết đâu có tôi cầm cung chực bắn.....*

.....

(Cổ-học tinh-hoa)

Chủ-ý bài đó là nói về cái tính ham của người, chỉ biết trông cái lợi trước mắt mà quên cả cái hại sau lưng. Song đại-ý bao-hàm có cái nghĩa canh-tranh. Mà, theo thuyết của Đạt-nhĩ-văn, thì lẽ cạnh-tranh là lý-do của sự đào-thải, của sự tiến-hóa.

Vì cuốn Chủng-nguyên-luận nên mới sinh ra *đế-quốc chính-sách*. Theo ý ông *Lương Khải-Siêu*, người lược-thuật học-thuyết của Đạt-nhĩ-văn, thì: nước nào có mạnh mới chinh-phục được nước khác, chinh-phục là theo đế-quốc chủ-nghĩa. Cho nên muốn chinh-phục người hay giữ dìn cho người khỏi chinh-phục mình thì phải làm thế nào cho nước cường-thịnh. Muốn được cường-thịnh thì không gì bằng vun đắp cho kẻ dân nước được mạnh, được dũng; vun đắp cho kẻ mạnh được mạnh thêm, còn những kẻ yếu mặc cho tiêu-diệt đi, tức là theo cái luật đào-thải để phù-hợp với cái luật tiến-hóa.

Ảnh-hưởng của Khổng-giáo đến đế-quốc chính-sách sâu xa như thế nào bất tất phải nói thì ai cũng rõ. Khổng-giáo cho *Trời* hay *Đế* là một cái lý vô-hình, linh-diệu khi đã định sự biến-động thế nào là tất phải thế, dẫu làm sao cũng không cưỡng lại được. Khổng-tử tin có thiên-mạnh, đế-mạnh, cho nên mới giảng-thuyết cái lẽ *tri-mạnh* 知命 (*Bất tri mạnh vô dĩ vi quân-tử giã* 不知命無以爲君子也) Đã tri mạnh, tất phải phục-mạnh, vậy từ cái *tri-mạnh* đi đến cái chính-sách đế-quốc, con đường chẳng xa, nên trải mấy mươi nghìn năm nước Trung-hoa vẫn giữ chính-sách đế-quốc. Nước Nhật-bản ngày nay sở dĩ vun đắp cho nền đế-quốc, là theo thuyết đào-thải của Đạt-nhĩ-văn. Chỉ khác là ngày nay Nhật-bản mới theo, mà Trung-hoa đã theo từ mấy nghìn năm về trước; Nhật theo ông Đạt thì Trung theo cụ Khổng.

Ảnh-hưởng của sự đào-thải là đế-quốc chính-sách phát khởi ra. Theo Đạt-nhĩ-văn thì cũng có đế-quốc chính-sách. Theo Khổng-Phu-Tử thì cũng có đế-quốc chính-sách. Ảnh-hưởng hai bên đều giống nhau. Cái chỗ tương-đồng là chỗ đó.

Chép đến đây, tôi xin phép dừng bút để đánh một cái dấu hỏi: Đức thánh Khổng sinh năm 551 trước Tây-lịch kỷ-nguyên, Đạt-nhĩ-văn sinh năm 1809 sau Thiên-chúa giáng sinh; Đức thánh ở Trung-Hoa, Đạt-nhĩ-văn ở Anh-cát-lợi — đất sinh, ngày để xa nhau đằng đẵng, mà sao ý-kiến lại có chỗ tương-đồng như thế?

Hay là Đạt-nhĩ-văn có biết cái lẽ đế-mạnh của Nho-giả, rồi phát-khởi ra thuyết của mình? Không có lẽ. Tuy trong cuốn *Bích-khắc-nhi-hàng-hải* (Voyage du Beagle)' Đạt có nói mình có qua châu Nam-Mỹ, qua châu Úc và khắp cả địa-cầu trong 5 năm, song ta không thể viện một lẽ đó mà cho thuyết của Đạt là chép ở cnốn Trung-dung đạo Nho.

. . .

Đông, Tây có phen gặp nhau. Gặp nhau là do những lẽ nói trên kia; song văn-hóa Đông-phương cũng có chỗ tương-phản với văn-hóa Tây-phương.

Văn-hóa của Nho-giáo theo thiên-lý mà lưu-hành, chất phác dản dị, rất thích-hợp với tính tình những dân-tộc chuyên về canh nông như nước ta. Văn-hóa của Tây-phương theo nhân-dục mà hành-động, mạnh mẽ và hoạt-động, thích hợp với tính tình những dân-tộc chuyên về công-nghệ, thương-mại. Cho nên, Tuy Khổng-phu-tử và Đạt-nhĩ-văn cùng cho cuộc biến-hóa của vũ-trụ có quan-hệ đến vận-mạnh của nhân-loại, song tư-tưởng và hành-động khác nhau xa.

Luật tự-nhiên đào-thải, nếu theo lẽ Thiên-mạnh của nho-giả, thì cứ nên để nguyên là một cái luật tự-nhiên, luân-lý phương Đông không dung cho người mạnh được áp kẻ yếu. Trời là hoàn-toàn, nên công cuộc của Trời vẫn hoàn-toàn. Nhờ cái tinh-thần ấy, người ta mới biết rõ cái gốc của người là do ở Trời,

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

mà người ta bao giờ cũng có cái tư-cách đặc-biệt (aptitude innée) để tự-cường tự-kiện. Đối với tôn-giáo, sự đào-thải do Nho-giáo phát-siển không có hại, vì Nho-giáo không khuyên người ta nên có nhân-sự đào-thải, tức là người mạnh nên tiêu-diệt kẻ yếu để mưu cuộc sinh-tồn, để mưu sự tiến-hóa.

Về phần Đạt-nhĩ-văn, cái luật tự nhiên đào-thải lại đi kèm với cái luật nhân-sự đào-thải, nên có người cho học-thuyết của Đạt là một cái mầm cạnh-tranh của nhân-loại, có người lo: học-thuyết của Đạt sẽ là một mồi lửa giết tróc của nhân-loại. Cho nên, trong những phái công-kích Đạt-nhĩ-văn, ta nhận thấy nhiều người trong Tôn-giáo.

Nói tóm lại, quan-niệm của Khổng-phu-tử về luận-lý khác quan-niệm về luận-lý của Đạt-nhĩ-văn. Đạt-nhĩ-văn mong có một xã-hội mạnh-mẽ phú-cường, song muốn được mạnh mẽ phú-cường thì phải làm tiêu-diệt những kẻ ươn hèn ốm yếu. Khổng-Phu-Tử không mong như thế, vì — như trên kia đã nói — người ta ai cũng có cái tư cách đặc biệt để tự-cường tự-kiện, dù người yếu hèn đến đâu cũng có cái tư-cách đặc-điểm đó để tự-cường. Nếu người yếu hèn cũng có cái đặc-điểm như thế, thì cần chi người mạnh giỏi lại làm tiêu diệt bọn yếu hèn đi. Trong *kinh thi* có câu: *Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc* 天生蒸民有物有則 (trời sinh ra dân, có hình có phép) Thiên đạo và nhân sự có quan-hệ với nhau, người do Trời sinh ra đã có hình có phép thì nên theo lẽ tự nhiên mà hành động thì hơn.

Xem như đó đủ biết, luận lý của Đạt-nhĩ-văn thực hành một cách bạo-động, mà luận-lý của Khổng-phu-tử phát-biểu một cách ôn-hòa, chỗ tương phản là ở đó.

Về phần thực-nghiệm, Nho-giáo vốn chú-trọng về đường thực-tế, Nho-giáo vốn có cái học thực-nghiệm. Cuốn «Chủng-nguyên-luận» của Đạt-nhĩ-văn cũng chú-trọng về đường thực-tế, cuốn «Chủng-nguyên-luận» lại vốn có các giá-trị đã từng khảo-sát thực-nghiệm. Song cái học thực-nghiệm của Nho-giáo lấy thiên-lý làm căn-bản, chú-trọng ở cái khiếu tự-nhiên Trời phú cho, cái đặc-điểm ấy là *lương-tri* 良知 tức là trực-giác ngày nay. Triết-lý của Nho-giả vẫn là một cái triết-lý thực-nghiệm. Còn học-thuyết của Đạt-nhĩ-văn chủ về khoa-học, tuy lấy trực-giác để tìm chân-lý, song không có cái tinh thần của Nho-giáo, là lấy thiên-lý làm căn-bản. Khổng-giáo còn thích-hợp với tôn-giáo, chứ như học-thuyết của Đạt vẫn là cừu-địch của tôn-giáo. Học-thuyết của Đạt không thuộc về triết-lý như Nho-giáo, mà lại thuộc về khoa-học. Đó cũng là một chỗ tương-phản.

Nếu đem mấy lẽ tương-phản đó ra mà nói tóm lại, thì ta có thể cho cái luật đào-thải của Nho-giáo là một cái luật *thiên-nhiên đào-thải*, còn cái luật đào-thải của Đạt-nhĩ-văn là một cái luật *tự-nhiên đào-thải*. Thiên-nhiên đào-thải theo về thiên-lý mà tự nhiên đào-thải theo về khoa-học; Khổng-Phu-Tử vẫn là một nhà-triết-học mà Đạt-nhĩ-văn vẫn là một nhà khoa-học, không sao lẫn lộn được, tương-đồng được.

Học-thuật của Đông-phương chẳng khác nào mấy bức tranh thủy-mạc, lơ thơ vài nét đậm đà; mà học-thuật của Tây-phương là mấy bức tranh khỏa thân (dessins académiques) dậm nét và rõ rệt. Người Tầu theo trực-giác và tư-tưởng rồi tóm tắt các ý-tưởng vào mấy câu tổng-yếu rất vắn-tắt để làm cốt, độc-giả phải lấy ý mà hiểu ra ngoài văn-từ mới rõ được hết các lẽ. Hèn-chi các học-giả Đông-phương khuyên người ta «có đọc sách thì nên đọc chỗ không có chữ» là phải lắm. Theo Tây-học thì không thế, có khi có một ý-tưởng mà làm thành hai ba quyển sách dầy, sự-lý nọ dắt-díu sự-lý kia, liên-miên dắt-díu nhau. Cũng như luật đào-thải nói ở đây: Khổng-Phu-Tử tóm tắt cái luật đó trong một câu: (Thiên-chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi), Đạt-nhĩ văn làm thành một cuốn (chủng-nguyên-luận).

Tuy thế nào mặc dầu, Đông Tây thường gặp gỡ nhau trên một con đường, duy vì phong thổ khác nhau, tập quán khác nhau mà sự thực-tiễn có khác nhau. Cứ xem như luật đào-thải bàn ở đây thì đủ rõ rằng tư-tưởng Đông, Tây lắm khi cùng rung-động theo một dịp chuông. Các nhà Tân-học không nên cho văn-học Đông-phương là cổ, là dở, vì trong sự học-vấn của ta có lắm cái ta cho là mới mà đối với Nho-giả vẫn là cũ rồi.

Vũ-Lang

(1) Đạt-nhĩ-văn (Darwin): một nhà bác học người Anh sinh cùng một năm (1809) với Lâm-khẳng (Lincoln) tổng thống nước Mỹ và Cách-lan Tư-đốn (Cromwel) tể-tướng nước Anh. Tác-giả cuốn Bích-khắc Nhi hàng-hải (voyage du Beagle), Chủng-nguyên-luận (De l'origine des espèces) Nhân-tổ-luận (Descendance de l'homme)... Mất năm 1882.

(2) Lạp-mạch (Lamard): bác-học người Pháp sinh ở thành Bazentin (1744). Ông đặt hai thuyết tự nhiên sinh-sản (Génération spontanée) và cái luật hoán-cải (le transformisme). Ông mất năm 1829.

Liều-lĩnh

Mới đây một tờ báo Anh có đăng bản thống-kê những việc kỳ-dị xảy ra trên xe lửa nước Anh; trong đó ta thấy đã lắm người dùng liều «còi báo nạn» để bắt xe lửa đỗ lại một cách rất vô-lý. Năm ngoái số đơn kiện của sở xe lửa về những việc vô-lý ấy đã lên tới vài trăm. Xin tạm lấy mấy cái thí dụ có thể làm tiêu-biểu:

Một bà lão nhà quê hãm lại vì bà thấy xe chạy quá nhanh một ông khách có tính bẳn hãm xe lại vì một người trong xe có mang theo máy vô-tuyến-điện, mà ông không ưa tiếng máy ấy. Lại một chàng liều-lĩnh hơn nữa, dám rật còi bắt dừng xe lại vì chàng đánh cuộc với bạn rằng chuyến xe tốc-hành chàng đi sẽ tới «ga» chậm hơn giờ thường.

Nhưng đến thế cũng chưa thấm! «Mề-đay liều-lĩnh đại-đột» phải để dành cho một chàng quý-phái nọ, chàng đã hãm chuyến xe tốc-hành Bristol-Londres ở gần hạt Bath để hỏi thày «xếp-tanh» xem vì lẽ gì trong toa hàng-cơm họ không cho chàng ăn thịt cừu quay chấm nước «sốt bạc-hà».

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :

« Les confessions de J.J. Rousseau »

8

Bây giờ tôi viết lại truyện ấy, hãy còn thấy mạch máu đập mạnh lên; mà có nhẽ dẫu tôi còn sống được mười vạn năm nữa cũng vậy, nhớ đến việc ấy là tôi phải tức. — Vì việc ấy, tôi lần đầu hiểu thế nào là tàn-bạo, thế nào là không theo công-lý, cái tức giận lúc còn nhỏ, mỗi khi nghĩ lại điều gì có dính-dáng đến truyện đó, là lại như sôi-nổi trong lòng. Cái giận ấy lúc nó mới sinh ra chẳng qua là tự-hiềm thật, nhưng rồi về sau tự nó có sức-mạnh riêng, có cái tính cách khác hẳn với nỗi tự-hiềm, bất cứ việc gì bất-bằng xảy ra ở chỗ nào, mắt tôi trông thấy hay là tai tôi nghe nói truyện đến, thì ruột bừng bừng như lửa nóng, chẳng khác nào chính tôi bị chịu cái bất bằng kia — khi tôi đọc sách thấy truyện những việc tàn-nhẫn của một đứa hôn-quân nào, hay những mưu-mô quỷ-quyệt bẩn thỉu của tụi tu-hành hỗ-mang nào, thật ví có thể được, thì tôi sẵn lòng đứng dậy ra đi ngay, tìm cho đến chúng nó mà đâm-chết những đồ khốn-nạn ấy đi, dầu cho tôi bị thịt nát xương tan mặc dầu. Cả đến trông thấy trong loài điểu-thú hoặc có một con gà, hoặc một con bò, hoặc một con chó, cày sức khỏe hơn con khác mà cắn đá một con vật yếu hơn chúng nó, là cũng để cho tôi nổi giận, tôi sông đến mà đánh, có khi tôi đuổi theo nó một quãng dài đến nỗi toát mồ-hôi!.... Cái tính bênh kẻ yếu, ghét đứa bắt-nạt đó, có nhẽ là thiên-tính của tôi thật; nhưng cái nỗi uất vì lúc nhỏ tôi bị người nhớn đánh-đòn oan theo như truyện tôi đã kể trên kia, có nhẽ cũng là một nguyên-nhân làm cho tính ấy thêm mạnh. Mang cái bệnh thích bị đòn (1) nhưng bị đòn oan thì thành ra biết thờ công-lý, thế cho nên bảo một gốc mà hai cành khác nhau.

(1) Đọc lại kỳ An-nam tạp chí số 31.

Đến đó là đã hết cái cảnh tượng thái-bình trong buổi thơ-ngây của tôi. Bắt đầu từ khi chịu cái phạt oan ấy, hạnh-phúc mà tôi hưởng ở *Bồi-tây* thôi không còn cái tính-cách hoàn-toàn như xưa nữa. Ngay bây giờ tôi nghĩ lại cũng công-nhận rằng thật từ đó đã hết thời-kỳ ngây-thơ. Tôi và em họ tôi còn lưu lạc *Bồi-tây* vài tháng. Cứ kể cái cảnh-tượng thì vẫn còn như trước, bốn bề hoa cỏ, khác nào ông *A-dong* mà kinh Thánh bên đạo chúng tôi kể lại là người thủy-tổ loài người, chúa sinh ra rồi cho ở trong vườn Thượng-uyển. Nhưng hoa cỏ kia đối với chúng tôi thì đã kém tươi: bề ngoài cảnh vẫn như xưa, mà tình trong cảnh hững-hờ phai phai.... Học trò đối với thày học và bảo-mẫu, thời đã hết cái sự thương mến, (2) kính trọng, thân-mật tin yêu thuở nọ. Chúng tôi không coi thày học và bảo mẫu chúng tôi như những vị thần-minh sư-sáng thấu hết sự lòng của chúng tôi. Chúng tôi có làm càn mà xấu hổ cũng không thấy xấu hổ nhiều như xưa; hoặc dẫu không làm càn cũng không được thản nhiên như xưa, vì chỉ sợ bị tội oan, tai vạ vu vơ. — Thế là bắt đầu biết dấu-diếm hết bướng bỉnh, biết chém-đối. Thôi bao nhiêu những nết xấu của tuổi thơ ấu từ đó làm mất cái tính thật-thà, làm xấu cả đến những cuộc chơi vui. Cả đến cánh đồng kia đối với con mắt chúng tôi cũng mất cái vẻ khả-ái là cái đẹp êm-đềm mà giản-dị nó thấu đến cõi lòng. Từ đây, trông cảnh hiu-quạnh tiêu-điều thay! Chẳng khác nào mới có một cái màn phủ kín mất cả các cái đẹp cái tươi trong cảnh ấy.

(còn nữa)

Nguyễn-Tiến-Lãng *dịch*

(2) Xin phê rằng: chóng « hết » quá thế sao? Dịch-giả

PHẬT-GIÁO VÀ KHOA-HỌC

Phật-giáo đã phát-minh ra nhiều điều quan trọng cho vật-lý-học. Những ý tưởng phát minh đó không có kết quả là vì kém thí-nghiệm, và vì xưa nay các tín-đồ khắp các bậc trện thang tri-thức, chỉ trú ý tới nghĩa hư-vô mà không buồn nghĩ tới nghĩa thiết-thực của đạo phật. Biết đâu các nhà phát-minh các luật về vật-lý chẳng chuẩn cứ ở phật giáo! (!)

Xin kê ra sau đây mấy điều phát minh đó:

1°) Sắc sắc không không (色色空空) Hợp các sắc của vạn vật lại thành không có sắc gì. Các sắc của vạn vật tức là bẩy sắc bản nguyên. Sự thí-nghiệm đó ta đã được đọc ở sách vật-lý học Thái-tây: Lấy cái bảng tròn, vẽ bẩy rọc các sắc của cầu vồng rồi quay tít đi, tức ta trông thấy không có sắc gì hết. Sắc sắc không không. Tức là hợp bẩy sắc lại thành không khí.

2°) Nhất vi vô lượng vô lượng vi nhất (一爲無量無量爲一) Tức trỏ hai cái vô biên, vô cùng của vạn vật (les deux infinis de la nature) Vả vật-lý học cũng có câu :« Un est tout, tout est un» tức là dịch nghĩa câu : « Nhất vi vô lượng, vô lượng vi nhất vậy.» (Một là gồm hết cả, hết cả là một)

3°) Cái ý 變化重重 (Biến hóa trùng trùng) chả làm chuẩn-đích cho sự nghiên-cứu của Darwin là gì? Các vật biến đổi luôn luôn. La transformation continuelle des êtres et des choses.

Câu vô vật bất di, vô thời bất biến (無物不移無時不變) cũng một nghĩa ấy.

Chịu khó tìm, sẽ thấy có nhiều điều lạ chứng-nghiệm rằng Phật-giáo là một triết-học, một khoa học uyên-thâm.

Trần-khánh-Giư



PHÁP-LUẬT DẪN-GIẢI

Tội ra ngoại-quốc không có giấy thông-hành

Người nào tự tiện vượt qua biên-thùy, sang cư-lưu ngoại-quốc thì bị phạt giam từ 6 ngày đến 10 tháng và phạt bạc từ 7$ đến 100$. Cũng có khi hai thứ chỉ phải chịu một.

Hội kín, và lập hội quá số 20 người

Thế nào là Hội kín. — Hội kín là bí-mật cùng nhau tụ-tập làm thành đoàn-thể, mà giấu không cho quan hành-chính hoặc quan tư-pháp biết những sự họp tập và mục-đích của hội.

Hình phạt người có chân trong hội kín. — Người nào vì xét ra quả là có chân trong hội kín thì phải phạt giam từ 6 tháng đến hai năm, và phạt bạc từ 40$ đến 200$.

Người hội-trưởng hay người lập hội thì có khi phải phạt gấp hai.

Những hội có mục-đích về tôn-giáo, văn-học và chính-trị. — Hễ số người dự hội quá 20, thì phải có phép Chánh-phủ chuẩn cho, và phải theo chương-trình Chánh-phủ đã định.

Nếu không được phép mà tập họp, hay là sau khi được phép lại trái chương-trình nhà nước, thì sẽ do tòa-án giải-tán.

Người hội-trưởng, tổng-lý hay là quản-lý đều phải phạt giam từ 6 ngày đến 1 năm, và phạt bạc từ 5$ đến 100$. Cũng có khi bị 10 năm quản-thúc.

Những người dự hội phải phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng và phạt bạc từ 2$ đến 80$. Cũng có khi 2 thứ chỉ phải một.

Cho hội mượn nhà không xin phép.

Người nào tự tiện cho người ta mượn một phần hay tất cả nhà của mình, để làm chỗ tập hội, dẫu hội ấy đã có phép quan, thì cũng phải phạt bạc từ 7 đến 80$ và phạt giam từ 6 ngày đến 3 tháng.

Các thứ tội phạm đến thân thể người

I. — Cố-sát và chậm-sát

Cố-sát nghĩa là cố ý giết người.

Chậm-sát nghĩa là phạm đến tính mệnh của người bằng thứ chất-độc gì có thể làm chết được người.

Người bán thuốc độc, nếu biết rõ việc, mà cố ý bán, thì bị kể là tòng-phạm.

Hình-phạt. — Phạm về tội cố-sát phải bị khổ-sai chung thân. Cố sát mà lại thêm một trường-hợp sau này thì bị tử-hình:

1º) Trước khi, hoặc trong khi, hoặc sau khi giết người, có phạm một thứ trọng tội gì khác nữa.

2º) Dự mưu mà giết hay ẩn nấp mà giết.

3º) Giết người để dễ làm, hoặc thực-hành một thứ khinh tội gì khác.

II. — Trụy-thai

Người nào đã làm cho một người đàn-bà có mang trụy-thai, thì không cứ người đàn-bà ấy có thuận tình hay không, cũng bị khổ-sai có kỳ hạn.

Người đàn bà hoặc dùng phương pháp của người khác bảo, hoặc dụng phương pháp của mình để phá-thai mà thành ra trụy-thai, thì cũng phải chịu hình-phạt như trên. Nếu thai chưa trụy, thì chỉ phải chịu tội đồ (giam và phải làm việc ở trong ngục).

Những tội thuộc về gian-dâm

Đàn bà đã có chồng mà xét quả phạm tội thông-gian thì phải phạt giam từ 3 tháng đến 2 năm và phạt bạc từ 40 đồng đến 400 đồng.

Chỉ người chồng mới được phép phát đơn kiện vợ là đã phạm-gian mà thôi.

Người mối-lái về việc gian-dâm. — Người làm mối lái đi lại, khiến cho đàn bà có chồng dễ phạm-gian, hay giúp đàn-bà con gái rễ làm những sự dâm đãng, phải phạt giam từ 6 tháng đến 2 năm, và phạt bạc từ 40$ đến 400$.

Tội hiếp dâm(1).—Người nào phạm tội hiếp dâm phải khổ-sai có kỳ hạn — Nếu hiếp dâm nhưng chưa thành thì phải bị tội đồ.

Thông dâm (2) *với con gái chưa đầy 15 tuổi.* — Người nào thông dâm với con gái chưa đầy 15 tuổi thì phải tội đồ. Nếu chưa thành thì chỉ bị phạt giam từ 3 tháng đến 4 năm.

Chồng dong túng cho vợ thông gian. — Người chồng nào xét quả là dong túng cho vợ ca hoặc vợ lẽ thông gian với người khác thì phải phạt giam từ 6 tháng đến 3 năm.

Tội loạn dâm. — Cha loạn dâm với con gái, con dâu ; anh em loạn dâm với chị, em, thì phải tội đồ (art. 202).

Thông dâm với vợ cả hay vợ lẽ của cha, ông, anh, em, chú, bác thì phải bị khổ-sai chung thân.

Dâm thông với đàn bà góa đương có tang chồng, hoặc với người con gái chưa đủ 18 tuổi.—Thì phải phạt giam từ 3 tháng đến 3 năm.

Người đàn bà góa đương có tang chồng mà xét quả phạm tội dâm thông thì cũng bị tội đồng như trên, dẫu không biết gian phu là ai cũng thế.

Trần-đình-Trúc
Luật khoa Cử-nhân

(1) Hiếp-dâm là khi nào người đàn bà không thuận, nhưng người đàn ông dùng sức-lực hoặc oai-thế cưỡng-bách, hay mưu-kế gì lừa dối, để thành sự gian-dâm.

(2 Thông-dâm là khi nào người đàn bà thuận nghe, mà không phải dùng đến những cách dọa-nạt hoặc lừa dối chi cả.

MỘT CUỘC PHỎNG VẤN

Đức là cái mầm họa của thế-giới. Chính-phủ Đức bấy lâu cố duy-trì hòa-bình, đã mất hết tín-nhiệm của quốc-dân. Hitler, anh chàng khát máu, lãnh-tụ đảng «Ra-xít», được đa số công-chúng hoan-nghênh. Theo dư-luận nước Đức, Hitler muốn nắm lấy quyền-chính lúc nào cũng được.

Cuộc hòa-bình chỉ còn treo ở đầu một sợi tơ mỏng-mảnh, thời-cục nước Đức hiện nay làm cho dư-luận thế-giới rất sôn-sao.

Một câu hỏi :

Trước thời-cục Đức như rứa, nước Pháp có thể ngồi yên-ổn được không?

Câu trả lời, ông Georges Roux phải sang tìm mãi chỗ căn-bản của đảng Hitler ở thành Munich.

Một người Pháp muốn được gặp một tay lãnh-tụ đảng «Ra-xít», thật là một điều cực khó-khăn. Vì có nhiều bạn thân người Đức, ông Georges Roux cố đạt tới mục-đích. Sau hai ngày nằn-nì. Họ bằng lòng tiếp ông hoặc ở buồng «Brunes Haus» của ông Hitler, hoặc ở báo-quán «Volkischer Beobachter» cơ-quan của đảng «Ra-xít». Ông đến.

Trên cửa chính, phấp-phới một lá cờ rất lớn, mầu đỏ sẫm, chính giữa một vòng trắng có dấu hiệu đảng Hitler (giống như bàn cờ cối xay của ta). Vào cửa, qua một cái sân rộng, đến phòng tòa-soạn, một căn phòng dài, trên tường la-liệt giấy cổ-động. Trên bàn, từng trồng vé bảo-cử đỏ sẫm như máu hồng.

Một người hỏi. Một người nữa hỏi. Rồi đây: «ông Phó chủ nhiệm chúng tôi», một chàng đeo kính, trông có vẻ thông minh và nghiêm-trang, mới độ 26, 28 tuổi. (Đảng-viên đều kén ở phái thiếu-niên dưới tam tuần) Bên cạnh một chàng thiếu-niên nữa độ 20 tuổi, vẻ nghiêm-khắc, mắt sáng quắc, dọng nói có ý thâm-trầm rất lạ.

Câu chuyện thật vắn-tắt, khô-khan, không còn vẻ gì là đằm-thắm, không có một lời nhập-đề.

— Ngài muốn...?

— Biết ý-đinh của các ngài.

— Chúng tôi định làm cách-mệnh, cuộc cách-mệnh ở riêng nước Đức. Phong-trào ấy là phong-trào chủng-loại (raciste), chú-trọng về quyền-lợi của giống người Nhật-nhĩ-man. Chúng tôi phản-đối bọn da-đen và người Do-thái.

Nhưng việc ấy không can-hệ chi đến nước Pháp, ông Georges Roux ngỏ ý muốn biết những chỗ cốt-yếu của phong-trào Quốc-gia xã-hội ra sao. Người Đức đáp: đảng Q.G.X.H. là thù-địch của cả phái tư-bản lẫn phái cộng-sản, và, nhân thể họ cho ông xem một bản chương-trình rất phiền-phức, đại-khái những chỗ cốt-yếu cũng giống như xu-hướng của phái thiếu-niên bên Pháp hiện-thời.

— Thế nước Pháp? ông G. Roux vội muốn biết kết-quả.

— Mặc chúng tôi! nước Pháp không dính-dáng gì đến hết!

Câu trả lời vừa sỗ-sàng, vừa minh-bạch. Chàng trẻ tuổi nhất đấm mạnh xuống bàn một cái rồi reo lên, bàn tay hất ra như chém giấy:

— «Ein Mauer», một bức tường!

— Tuy vậy, hai nước còn có nhiều vấn-đề phải điều-đình với nhau. Vậy những định-kiến của các ngài thế nào?

— Chúng tôi không phải là người có thể tuyên-bố cùng ngài các định kiến về vấn-đề ấy.

— Vâng, nhưng các ngài đây cũng có ý-kiến chứ?

— Đó chỉ là ý-kiến riêng.

— Vâng, cũng được, ngài cho biết.

— Trước hết, bình-đẳng trong việc binh-bị và việc tài-binh! Nước Đức không chịu là một nước đàn em, một nước lép vế!... Rồi kết-liễu câu chuyện bồi-thường! Cuộc chiến-tranh qua đã 14 năm rồi, dân-tộc tôi không thể mang mãi món nợ «Liễu-Thăng» ấy được!... Rồi lập-tức khôi-phục lại đất Sarre!.. Rồi xét lại các hòa-ước và phế-bỏ bản mật-ước ký với Ba-lan!... Rồi khôi-phục lại các thuộc-địa Đức!

— Thế là hết?

— «Momentan alles». Hiện thời, thế cũng tạm hết.

— Hiện thời như vậy, nhưng rồi nữa thế nào?

— «Rồi nữa» không cần bàn đến.

— Có chứ, phải cần bàn đến «rồi nữa» lắm chứ, vì chúng ta có nhường nhịn nhau là chỉ cốt giữ cuộc hòa-bình cho được lâu dài. Chúng tôi cần phải biết các ngài còn muốn những gì nữa.

Người Đức ngần-ngừ một chút:

— Rồi đây, phải trả chúng tôi hết các đất của Nhật-nhĩ-man.

— Đất ấy là đất nào?

— Tôi không biết.

— Vấn-đề ấy rất quan-hệ, chắc ngài đã rõ. Chính chỗ ấy là chỗ cốt-yếu.

— Nhưng chúng tôi không phải là người có phận-sự để trả lời ngài.

— Tôi biết vậy, nhưng chỉ xin ngài nói rõ cho các đất Nhật-nhĩ-man ngài nói đó là đất nào... Alsace chắc?

— Alsace-Lorraine, hẳn thế chứ! «Elsas-Lothringer gewiss».

— Nhưng đất ấy tuyệt-nhiên không phải của Đức, mà tuyệt-nhiên họ cũng không muốn sát-nhập vào Đức!

— Đất ấy chính của Đức mà tất sẽ phải trở lại thành lĩnh-thổ Đức như hết thảy các mảnh đất Nhật-nhĩ-man!

Một phút yên lặng, ông G. Roux chợt nhớ nhời một ông cố-đạo Đức diễn thuyết trong trường Đại học Munich nói đất Flandre cũng thuộc về Đức

— Thế còn đất Flandre?

— Đất Flandre, chúng tôi không biết. Chúng tôi không thể nói được.

— Còn đất Sud-Tyrol? Ông G. Roux tủm-tỉm cười, nghĩ đến tình thân-ái của Hitler với Mussolini, đầu đảng «Fát-xít».

— Hiện nay, một mảnh đất con những núi là núi như xứ Sud-Tyrol chúng tôi chưa nghĩ tới. Chúng tôi cần có đất mầu kia.

— Đất mầu?

— Vâng, dân-tộc chúng tôi có quyền lấy đất mầu vì hiện đương thiếu. Tất cả các dân-tộc đều có quyền giữ lấy một phần đất mầu để đủ sinh-hoạt.

Nghe đến đây, ông G. Roux chợt lo ngại cho tổ-quốc, bèn nói đả động đến vấn-đề quyền-lợi cố-hữu (droits acquis), nhưng người Đức nói rằng: Người miền bắc phải là đàn anh các dân-tộc khác, vì nguồn gốc văn-minh là ở đấy mà ra.

Đinh Huy-Hạo

TIN LÀNG VĂN

Phần thưởng tiểu-thuyết của tạp-chí Indochine

Mới rồi, tạp-chí «Indochine» ở Saïgon mở một cuộc thi đoản-thiên tiểu-thuyết. Ông Nguyễn-tiến-Lãng, người bạn thân của bản-chí hiện đương làm tham-tá tòa sứ Yên-Báy có gửi bài đến dự, đầu đề là «Eurydice».

Cái tài viết văn Pháp của ông Lãng anh em tân-học, nhất là các bạn học sinh, hẳn không còn ai lạ. Ông gửi bài dự thi, anh em mong phần thưởng nhất sẽ về tay ông.

Thì quả nhiên trong tờ tạp-chí «Indochine» số 31 mới ra, đã thấy in phần thưởng nhất kèm với tên ông Nguyễn-tiến-Lãng!

Bản-chí xin có lời mừng ông.

Trinh-thám nước Đức

Vì thuật giả câu chuyện « *Trinh Thám nước Đức* » còn mắc bận nên mục đó còn phải hoãn một kỳ này, xin các độc-giả lượng thứ.

Trung Nhật xung-đột

Ngày 3 Mars, Trung Nhật ký hòa-ước trong chiến-thuyền Kent. Hồi 14 giờ, hai bên ra lệnh đình-chiến.

Nhưng trước khi đình-chiến. . .

Viên tư-lệnh thứ tư của Nhật là Bạch-Xuyên mang hai sư-đoàn đến Thượng-Hải ngày 29 Février, lập tức ra lệnh tổng-công-kích. Cũng buổi chiều hôm ấy, 1200 quân Nhật do tướng Thực-Điền thống xuất đến đánh Nghiêm-gia-trạch ở khoảng Giang-Loan và Miếu-hành. Lại một đạo quân do tư-lệnh Thượng-Tùng chỉ-huy chia ba mặt chực xông vào trận địa. Trên máy bay ném bom xuống, dưới thì trái-phá bắn ra. Nhưng quân Tàu chống giữ hăng quá, họ hết sức đánh phá phòng-tuyến Nhật. Cả hai bên thiệt hại rất nhiều.

Cũng hôm ấy, hồi 10 giờ, Nhật đánh ga Thiên-thông-am, dùng xe thiết giáp làm tiền-khu và trái phá, máy bay trợ-chiến. Quân Tàu thế kém, phải rút ngắn phòng-tuyến; 1 giờ rưỡi, đại-đội quân Tàu kéo đến, lại hạ lệnh phản-công, lấy lại được cầu Bát-tự, quân Nhật chết và bị thương hàng ngàn. Xuốt ngày đêm súng nổ rậy giời, ba lần quân Nhật tiến, ba lần Tàu phản-công, lấy lại cầu Bát-tự, đến 5 giờ sáng ngày mồng một quân Tàu mới thôi bắn. 7 giờ sáng, Nhật đổi kế-hoạch, đưa hơn trăm cỗ súng trái phá lớn tiến về Giang-Loan, đánh trận-địa quân Tàu ở Thủy-xa-đầu, Trúc-viên-đồn và 8 chiếc máy bay trợ chiến. Từ 8 giờ, đánh nhau càng hăng, tiếng trái-phá liên thanh, quân Tàu vì không thấy bộ-binh xuất hiện phải im giữ trận-tuyến. 9 giờ hơn, quân Nhật tiến, quân Tàu trong chiến-hào nhảy sổ ra, dùng lựu đạn và súng tay xông đánh. Một cuộc huyết chiến dữ dội mãi đến 2 giờ chiều.

Lúc ấy ở Dương-gia-lâu, hai bên đánh nhau bằng đoản-khí rất dữ dội, đến trưa quân Nhật phải lùi. Tại trấn Miếu-hành, hơn nghìn quân Nhật dùng súng trái phá, súng cối say và máy bay đánh rát. Tàu dùng súng tay và lựu đạn chống thật rát. Quân Nhật vì có lệnh phải đánh kỳ được nên phải cố liều chết đánh suốt ngày đêm. Một trận ác-chiến, thây chất như non, trông rất thảm.

Sáng sớm hôm 2, Nhật dùng đạn khói mù bắn che mắt quân Tàu rồi kéo trọng binh ngầm sang cửa Đương-Lâm sông Lưu-hà. Quân Tàu đánh lại hồi lâu, vì không thấy viện binh, phải đổi chiến-lược rút lui về Chân-Như và Nam-Tường chống giữ.

Rồi sau khi đình-chiến.....

Tuy không đánh nhau dữ-dội lắm nhưng vẫn chưa yên.

Trưa ngày 4 mars có viện-binh, quân Tàu đánh lấy lại được Chân-như và Lưu-hành. Cũng hôm ấy, sư đoàn Thượng-quan Vân-tướng đã lấy lại được Lưu-hà, bắn trái-phá vào hai chiếc tầu binh Nhật, một chiếc chìm, một chiếc hỏng. Quân Nhật chống không nổi phải lùi.

Chiều ngày 4, mấy chiếc máy bay Nhật ném bom vào thành Bảo-sơn, mấy trăm dân chạy không kịp bị chết sạch. Sau khi mở ngục tha cho tù-phạm ra hết, quân Tàu lập tức rút lui, Nhật kéo ùa vào bị phục-lôi nổ tung lên, một tiếng vang giời, quân chết vô kể.

Lại lúc Nhật đánh Ngô-tùng, Lý vinh-Hy định lừa cho quân địch vào sâu để đánh giết. Chẳng ngờ quân Nhật đông quá, Lý phải hết sức phản-công chẳng may bị bắn vào đầu ngã xuống chết; quân lính vội vàng thu lấy thây rút lui.

Chiều hôm 5 Mars, hơn nghìn quân Nhật tiến về Hoàng-độ bị quân Tàu trong chiến-hào nhảy sổ ra đón đánh rất dữ-dội, nửa giờ sau Tàu hạ-lệnh xung-phong, Nhật phải lui về Lưu-hà, thiệt mất 500 quân và 600 ngựa chiến.

Sác chết ở Hạp-bắc không ai trôn, làm khổ cả một vùng tô-giới công cộng.

Hai bên còn đánh nhau!

Tuy có tiếng là đình-chiến rồi nhưng Nhật vẫn không chịu rút lui

mà Tàu vẫn sẵn lòng tái-chiến.

Tổng-tư-lệnh Nhật nói: «Tôi tin rằng tình-hình sẽ khá hơn lên về nỗi Nhật cùng liệt-cường cộng-tác. Nhưng đương khi chờ đợi tình-thế ấy quân Nhật phải rất mẫn-cán lo việc hiện-tại đã »

«Rất mẫn-cán!» cái mẫn-cán ấy thế nào?

Từ trận ngày kỷ-nguyên, đã 800 năm nay, Nhật thua lần này là lần đầu,tất phải đem toàn-lực ra để giữ lấy thể-diện. Mẫn-châu gửi xuống một vạn lính, nếu không đủ lại gửi thêm vạn nữa, các tay cầm-quyền còn muốn theo chính sách xâm-lược đến kỳ cùng.

Chính-sách ấy, ngay ở nước Nhật cũng có nhiều người phản đối: Phái phụ-nữ kêu làm tan nát bao gia-đình, bọn học-sinh trường Minh-trị Đại-học rắc truyền-đơn «Đả đảo quân phiệt!»

Số đàn bà góa ở Nhật sau ngày xong việc Mẫn-châu lên tới 1 muôn 300 nghìn,nay đã thêm lên 9 nghìn nữa.

Một đội viện-binh Nhật ở Đông-kinh xuống Trường-kỳ chợt gặp con tầu chở tử-thi và người bị thương về ghé bến, họ đều biểu-tình phản-kháng,lần này là hai lần.

Còn bên Trung-Hoa?

Thái-độ Trung-Hoa vẫn găng lắm. Trương-tá-Bình, trưởng-ban ủy-ban ngoại-giao bất thường tuyên-bố rằng Tàu sẽ chẳng dự Hội-nghị Bàn-tròn nếu Nhật chẳng rút quân. Tưởng-giới-Thạch, hiện giữ chức Hội-trưởng Quân-vụ ủy-ban, nói: «Tàu rất muốn hòa-bình, nhưng nếu Nhật cứ gây sự thì Tàu rất sẵn lòng đánh nhau kỳ thắng bại. Sở-dĩ có tin quân Nhật rút là vì Uỷ-ban điều-tra tới nơi, chứ tôi không tin là sự thực. Sự thực: Nhật đang dự-bị phản-công ».

Dân khí Tàu hãy còn sôi-nổi dữ,các nơi tới-tấp điện về trách chính-phủ Trung-ương,ép chính-phủ phải đánh lấy lại các tỉnh đã mất, không nên vờ quyết đánh mà ngầm mưu hòa để lừa dối quốc-dân! Uỷ-ban ngoại-giao do Hà-ứng-Khâm chủ-tọa mới nhận được bản trương-trình quốc-phòng 20 năm. Hoa-Kiều ở Việt-nam họp được một đoàn nghĩa-dũng,ngày 1er Mars ở Quảng-Đông lên Thượng-Hải. Một cô con gái Quảng-Đông tên Hàn-trọng-Lương chặt đứt ngón tay quyết ra tùng binh, nhà cô sợ gan phải để cô ứng vào đoàn Mạc-nhĩ-Đường.

Hoa-Kiều Phi-luật-Tân gửi giúp nước 20 triệu đôn-la vàng, dân tỉnh Vân-Nam cũng gửi giúp được 20 triệu và đã tuyển thêm 400 học trò vào trường binh-bị. . . . . .

Trương-học-Lương mới đây từ chức trưởng-ban chánh-trị ủy-ban Bắc-bình . . . . . .

Uỷ-ban điều-tra của Hội-đồng Vạn-quốc đã đến Thượng-Hải. Chính-phủ Tàu có ý nhờ ủy-ban điều-tra cho cả việc ở Thượng-Hải vừa sảy ra.

Công việc của Liệt-cường đối với cuộc xung-đột vẫn tiến-hành, tình-hình may ra có thể khá hơn được...

. . . . . .

Lại đến tin Mã-chiếm-Sơn ở miền Bắc. Nước Tàu là một nước quá rộng, rộng đến nỗi một tin «đích-sác» mà còn có thể sai. Như tin Mã-chiếm-Sơn bị ám sát hôm xưa chẳng dè lại là tin đồn bậy. Mới đây, một tờ báo Tàu đăng rằng Mã đã phái đại-biểu đến Bắc-bình xin quốc-quân mau-mau tiến ra ngoài Sơn-Hải-quan, Mã xin thề chết chuộc tội . . . .

Ngày 9 Mars, phế-đế Phổ-Nghi làm lễ cung-chức chủ-tịch hành-chính chính-phủ Mãn-Mông. Ở Tế-tề-cáp-nhĩ và ở Cáp-nhĩ-tân có mở hội to lắm.

TRẢ LỜI CÂU HỎI Ở SỐ 31

Nếu tôi có phép tàng-hình

— Tôi sẽ tìm đủ chứng cớ để lột mặt nạ những anh chị đạo đức giả, vào phòng chị em chưa chồng, thổi cơm không chín quét nhà không nên, sẵn tiền của ông cha để lại, ăn trắng mặc trơn, luôn luôn tự-phụ khác thường tinh nhi nữ, khi mới 15, 16 đã nhí nhảnh ghê, đã nhẹ dạ tin người chưa biết chừng, thế mà mồm cứ be-be dục tình chẳng vướng, bàn tinh những vấn-đề luân-lý phong-hóa, những là ở đời phải thế này, thế nọ, đàn bà phải thế kia thế khác, trách đàn ông trăm chứng nghìn tật, tôi sẽ vào phòng chị em những khi đêm trường canh vắng, lạnh buốt đến xương, xem chị em có ngơ ngẩn về... tình, ôm gối mà thở than với bóng.

Cẩm-Hà (Vinh)

— Nếu tôi có phép tàng hình, tôi sẽ rón rén đến sau người ý-trung-nhân của tôi, để rỏ một giọt nước mắt xuống quyển sách nàng đương xem mà sẽ ngâm thơ rằng:

Bên kia nước biếc, bên này non xanh,
Non xanh nước biếc mối tâm-tình láng-lai.
Mây, đám mây ngũ sắc, này chị em ơi!
Ngảnh trông đôi chim nhạn tung trời nỏ bay cao.
Buồn làm sao, buồn làm sảo, làm sao!
Tương-tư ngày tháng như bào lòng ta.
Giời chưa già, đất cũng chưa già,
Cõi tình thất-vọng có ta bạc đầu.
Giết nhau bằng cái u-sầu:
Đêm khuya, canh vắng, khúc «Phượng-cầu» ngẩn ngơ...

Kim-Trọng

Một điều đáng chú ý

Có bệnh, tìm lấy thuốc hay mà uống, thì bệnh chóng khỏi mà đỡ tốn tiền. Bổn đường nghiên cứu nghề thuốc rất là tinh tường chữa đâu khỏi đấy, nổi tiếng khắp nơi, ai đã dùng cũng phải công nhận là thuốc tiên. Lược kê giá mấy thứ thuốc rất thần hiệu ra sau này:

Các thứ thuốc chữa

Tư âm ích thận 1 hộp.	2$50
Đàn bà ra nhiều khí hư 1 lọ.	0,40
Điều kinh chủng tử 1 hộp.	3,00
Sản hậu 1 lọ.	0,40
Đau bụng kinh niên 1 lọ.	0,40
Phong thấp tê liệt 1 lọ.	0,30
Lậu kén (giương mai) 1 lọ.	0,50
Lậu nhiệt, cùng lậu rất nọc 1 lọ.	0,50
Ung thư, chàng lạc 1 lọ.	0,30
Sâu quảng, hắc lào, hôi nách, chứng cá, thối tai, trĩ mũi 1 lọ.	0,20
Ngã nước, sốt rét, thổ tả, kiết lỵ 1 lọ.	0,20
Sài kinh, bách giải, đau mắt, toét mắt, sâu răng, cam răng, tẩy đờm, ho đờm, 1 lọ.	0,10
Cai nha phiến	0,60

Muốn xem mạch hỏi bệnh cho biết rõ căn nguyên cứ đến hỏi :

M. BÙI-NGỌC-BÌNH
Hiệu Bảo-Nguyên-Tường
N· 51, Route de Sinh-Từ — Hanoi

THỜI SỰ

NƯỚC NHÀ

Tin Chính-trị

Nam-định. — Nguyễn-thế-Long, người làng Thanh - giám, huyện Tiền-hải, năm 1931 dự vào cuộc biểu-tình ở tỉnh Thái bị khổ sai 20 năm và quản-thúc 10 năm. Khoảng cuối năm 1931, bị giam ở nhà pha Hải-phòng, Nguyễn-thế-Long vượt ngục, gây nên một việc nhộn-nhạo ghê gớm.

Tìm đường trốn sang Tàu, Nguyễn-thế-Long bị bắt ở cầu Cốc-lếu, giải về Hanoi, rồi đưa xuống Thái-bình. Hôm 9 Mars, Long lại bị giải sang tỉnh Nam, giam trong sở Mật-thám.

Thì ngay đêm hôm ấy Long lại biến mất !

Một cuộc truy nã rất kịch-liệt. Toán lính ba-tui chia nhau đi các mạn khám hỏi mọi người qua lại rất nghiêm.

Lúc ấy, con người bí-mật đã lẻn vào nằm yên trong nhà bà Lý-Nhạ ở làng Đệ-tứ huyện Mỹ-lộc. 8 giờ, tối, bà Lý vào điện thắp hương, lờ-mờ thấy người nằm dưới gầm ban, vội-vàng đóng sập cửa kêu « trộm ! » Dân làng đổ đến bắt giải huyện, té ra tên trộm là Nguyễn-thế-Long !

Saigon. — Trần - văn - Quang, trước làm giáo-học, vì có liên-can đến việc bội-kín bị cách chức. Từ đó Quang lại đi tuyên - truyền khắp các nơi, hăng - hái hơn lúc trước.

Chẳng bao lâu, Quang bị sở Mật-thám bắt được, rốt vào trong nhà 69 đường Lagrandière, sớm hôm 7 Mars, bị tòa Trừng-trị Saigon kết án 13 tháng tù.

Tàu Đồng-Sanh đắm

Mỹ-tho. — Tàu Đồng-sanh vẫn chạy đường Bắc-liêu Saigon, hôm 26 Février vừa qua, khởi-hành từ Saigon, mang đến 5 nghìn cân tôm khô và ngót trăm hành-khách. Tầu vừa quay mũi, nước đã mấp-mé mạn tầu, thủy-thủ phải đóng cửa chớp cho nước không chàn vào được.

Nửa đêm, ra khỏi con sông đào, đến chỗ cửa sông Cửu-long và An-hòa, hai làn nước gặp nhau cuốn ngược lên rất mạnh, sóng cả gió to, tầu con trở nặng, lúc ấy lại do một bác đà-công phụ cầm - lái, không rõ nơi có dòng nước ấy mà lái tầu. Vụt chốc con tầu bị bốc hẳn lên, rồi bị cuốn tròn trong chỗ xoáy, nước chàn réo vào tàu như thác, khách trong tầu bốt hoảng thức dạy, tiếng kêu cứu, tiếng cha gọi con, anh gọi em, vợ gọi chồng, kêu khóc như đi, lẫn với tiếng sóng vỗ nước reo, gió thổi. Chỉ trong mấy phút đồng-hồ chiếc Đồng-sang đã chìm lỉm. Trên mặt sóng ào ào vỗ chỉ còn thấy hành-khách vẫy-vùng. Lính đồn An-hòa và tuần-dinh Gia-định được tin đến trước, sở sen-đầm Mỹ-thọ đến sau, trùng-trùng làn sóng bạc sông Cửu-long còn đưa dạt dào ít đồ dùng bằng gỗ.

Trên bờ song còn 15 người sống sót đứng khóc bên 42 cái tử-thi, người ta nói rằng còn chừng hơn 20 người nữa chưa tìm thấy xác. Ông chủ tầu là Nguyễn-văn-Quới ôm được cái ghế gỗ thoát chết đã bị bắt về đợi tội ở sở se-đầm Mỹ-tho.

Sắp có nguyệt thực

Ngày 22 Mars sẽ nguyệt-thực, Theo giờ bên Pháp nguyệt-thực bắt đầu từ 9 giờ 59 phút, hồi 12 giờ 32 là chính lúc nguyệt thực, đến hồi 15 giờ 6 phút thì hết.

Nguyệt-thực lần này ở Á-đông Úc-châu, Thái-bình-dương, Bắc-mỹ, và phía cực tây nam Mỹ châu đều thấy rõ.

ĐỨC

Bảo-cử Tổng-thống

Ông Brüning cực-lực công-kích cách hành-động của đảng Quốc-gia Xã-hội, hô-hào dân Đức nên hợp lực nhau để phần thắng về ông Hindenburg, người đứng tiên biểu cho sự thống nhất nước Đức, cho sự dĩ vãng rực rỡ, cho sự phục-hưng nước Đức nay mai.



Theo tin ngày 13, có 143 người bị bắt. Tại quận Rhur, đảng Quốc-gia Xã-hội sô-sát với đảng Cộng-sản, bắn chết 3 người trong đảng này.

Tuy vậy, cuộc bầu phiếu rất yên-ổn. Theo bản thống-kê tam (nghĩa là chưa được đích thực) của Chính-phủ thì ông Hindenburg được 18.659.304 phiếu, ông Hitler được 11.325.973 phiếu, ông Thaelamann 4.970.398 phiếu, và ông Dusterberg 2.559.999 phiếu.

Vậy là chưa ai được trúng cách cả. Kết-quả phải chờ đến ngày 10 Avril !

Kỳ này, ông Hindenbourg chỉ thiếu có 154 nghìn phiếu nữa thì hợp cách, chắc ông có hy-vọng hơn ông Hitler. Tin đồn «Hitler muốn lấy quyền-chính lúc nào cũng được» có lẽ là một tin đồn phao của đảng Quốc-gia Xã-hội.

VĂN-ĐÀN

DU-KÝ

Mấy bước đường rừng

(Tiếp theo kỳ trước)

Hai câu thơ chữ nho trên đây, nghĩa là :

Danh-sơn nhàn có được đâu,
Anh-hùng, danh-sĩ chia nhau lấy mày.

Sự gặp-gỡ ở Dương-quì, ngoài quan Tri-châu là người cũ, lại có ông giáo-học là bạn độc-giả của An-nam Tạp-chí từ số 1 Hàng-lọng, ngoài nữa có ông Thừa-phái người tỉnh Thanh, cũng là người học-hải ba-đào. Trong bữa rượu, quan cũng có cho gọi ca-nhi người Mán, hát và dâng rượu; nhưng ca-nữ hạt-hạ, đến chỗ quan phụ mẫu, phần nghiêm kính có quá, cho nên vui kém vui. Lại người đứng đầu trong đội đó, tuổi đã hơi nhuộm vẻ Tầm-dương. Dưới dinh châu tiếng suối kêu lên, trên tiệc rượu ca rừng địch nội.

« Há chẳng có ca rừng địch nội,
Giọng lưu-lô buồn nỗi khó nghe.»

Hai câu trong bài hát Tỳ-bà, đến đây mới nhận thấy là hay; mà không biết cảm-hoài của quan Châu, không phải là Tư-mã Giang-châu, đối đó như sao vậy?

Sáng hôm sau qua thăm trường-học và phong-cảnh chỗ châu-lỵ; rồi ăn bữa cơm sáng, xin đi. Khi đã ngồi lên lưng ngựa, còn có Bùi cố-nhân quyến-luyến đứng bên; lại sau khi ba chén ly-bôi, giống đa tình đa cảm như ai, khôn dễ rất Dương-quì giật ngựa. Cho nên trong khi ấy, có câu đối cảnh sinh tình rằng: *« Dương-qui tất tái lai. »*

Từ đấy về Bảo-hà, đường có 34 cây số, mà phải đi mất làm hai ngày; vì giữa đường gặp mưa, cho nên phải ngủ lại ở làng *Nống*. Đêm hôm ấy thật sầu. Sáng hôm sau, giời còn rả-rích mưa mãi, cho nên giáp tối mới về đến Bảo-hà. Đứng trên lầu sở Kiểm-lâm Bảo-hà, quay đầu trông lại bên kia sông, thời rừng xanh không những một giải! Cái hứng-thú Dương-quì lại bị hai ngày đi đường đó làm cho tiêu-tán, cho nên có câu gửi lại quan Châu rằng :

再來克孝知何日
Tái lai Khắc-Hiếu tri hà-nhật;
一別陽遼憶故人
Nhất biệt Dương-quì ức cố-nhân.
(Dương-quì xa cách nhớ ai,
Tản-Đà biết có trùng-lai ngày nào?)

Ở Bảo-hà về Yên-bái, lại vừa là ngày chủ-nhật, 28 Février. Sau khi đã tương biệt với M. *Trịnh-xuân-Nhạc* tiễn chân ra ở ga, bước lên xe, tôi lại được nghe biết một câu chuyện.

Trên xe lửa đoạn ấy, tôi có gặp một người sage-femme, là Mme *Nguyễn-thị-Thuần*, cùng ngồi trong hạng ba nói chuyện. Mme Thuần ở *Bắc-hà* đổi về coi nhà thương Hà-đông; phu-quân thời là người làm việc quan ở Vĩnh-bảo (Haidương.) Cứ bà *s. femme* ấy kể chuyện về sự lên làm việc mạn ngược, do ga *Phú-lu* đi lên đến *Bắc-hà* vừa 40 cây số, đường cũng đi bằng ngựa *thồ*; khi đi lại có đem một đứa con mới sinh hai tháng, đi bằng võng. Nghĩ như đàn bà con gái nước ta khi xưa, những ai hơi vào bực phong-lưu, đều giữ vòng khuê-các, đâu có biết rừng xanh suối bạc, mà ngồi trên lưng ngựa thâu ngày ru? Mme Thuần lại nói: lúc mới lên, lần thứ nhất đi ngựa, phải có người thồ đi trước dắt; sau ở Bắc-hà lâu, đi cũng quen, hẳng khi chạy nhanh. Đó thời cảnh-ngộ có thể làm cho người ta biến-hóa khí-chất vậy. Chẳng là *«thiên-nhiên học-hiệu»* ru? — Trong lúc ấy, tôi lại sực nhớ đến hồi trước lên chơi *Chợ-Chu*, thấy nhiều con gái đi xe đạp, cũng vì hoàn-cảnh ở đó, dùng xe đạp tiện-nghi. Nguyên từ chỗ chợ đi lại chỗ dinh châu, chỉ một đoạn đường không đầy một cây số, đường đi ô-tô rất tốt, mà hai bên tuyệt không có cây cối gì. Vùng đó lại ba bề núi đá vây bọc, khi nắng thời nóng nực la thường. Lại qua châu đi xuôi, rẽ vào trong các làng, đường xá đại-khái như vậy. Vì thế nên dùng xe đạp tiện lợi, mà có hiệu xe cho thuê rất đắt hàng. Đàn ông đã dùng nhiều, thời đàn bà con gái cũng tập, mà sự đi rất là hẳng thường. Có người con gái đi một mình, có người con gái lại đèo người con gái, có người con gái ngồi ghế mà người đèo là con giai. Tôi hỏi ông Lục-sự nói chuyện, thời không phải họ-hàng, anh em, vợ chồng chi cả, chỉ là cùng người ở phố, đi nhờ nhau một độ đường thế thôi. Phong-cảnh *Chợ-Chu*, một sự đó đối với cả ba kỳ, có lẽ là đặc-sắc. Tiếc không được có ông *Lê-công-Đắc* cùng xem! — Lại nghĩ như người chồng ở *Vĩnh-bảo*, mà người vợ ở *Bắc-hà*, giăng bề mây ngàn, xa nhau vô tận! Chỉ vì cái sinh-nhai buổi mới, mà người đời nhiều nỗi biệt-ly. Tôi có định viết một bài vận-văn, tả cái cảnh *Tân Chinh-phụ-ngâm*; cho rằng những đàn bà xưa kia, chỉ có vợ người tùng-quân, phần nhiều phải chịu phần ly-biệt; như nay thời không

cứ thấy Quyền ông Đội, xa cách hương-quan ; mà cả như những ai tùng-sự công-sở, làm việc thầu-khoán, Giáo-học mường mán, buôn bán Ngô Lào, cho đến cả như người văn-sĩ thi-nhân, chung một cảnh ly-sầu biệt-tự. Lần trước tôi đi chơi Lào-kay, lần này tôi đi chơi Yên-bái, từ Lào-kay về Yên-bái, từ Yên-bái lên Lào-kay, quan Giáo, quan Tri, quan Tham, quan Đốc, có lẽ không thấy có ông nào có vợ. Tề-gia nội-trợ, các bà ấy thời ở đâu ?

Phải chăng tìm cái phong-hầu?
Mà ai để cái ly-sầu cho ai !

Ác thay ! đời buổi văn-minh vậy!

Một chuyến đi chơi từ Yên-bái đi, lại về đến Yên - bái, du lãm văn kiến, đại - khái được có như thế. Còn quan Kiểm-lâm Trịnh-xuân-Nhạc có nói chuyện với tôi : lợi ích của việc *Kiểm-lâm* đối với dân-cư Thượng-du và Trung-châu, tôi dẫu có viết ra, chắc không được tường, vậy đã nhờ ông Nhạc và ông Nhạc đã nhận lời vì Tạp-chí sẽ có cống-hiến với công-chúng: Quan Châu Văn-bàn và ông giáo Dương-quì cũng hứa lời sẽ gửi về những bài khảo-thuật về phong-tục cảnh - vật trong các dân thổ mán vùng đó. Được các nhà chánh giáo, các vị tân - học, sẵn lòng đối với An-nam tạp-chí như vậy; thuyền nan, tầu sắt, lo gì không đủ làm cơ-quan tiến-thủ cho quốc-dận ta được ru ?

∴

Về đến Yên-bái, nghỉ lại một ngày đêm ; vì sự đi có ý thấy nhọc mệt, cho nên lúc ấy chưa kịp đi thăm hỏi được mấy nơi. Đối với các vị sĩ-phu ở Yên-bái, không khỏi là có lỗi sơ-tinh. Tôi đã hẹn với ông Lãng thế nào cũng lại lên chuyến sau, sẽ được tường-bị mọi nhẽ. Tiện để đi chơi Yên-bình, sang Mr Bế-Khanh, thăm cảnh-vật ở Tuyên-quang nhân thể. Chỉ e công việc đa mang, ngày giờ ngắn chóng, cái ước vọng nhỏ con như vậy, mà không hay có như ý được chăng ?

Chiều hôm 1 mars, ở ga Hàng-cỏ đi xe kéo về gần đến cống-chéo Hàng Lược, phong-cảnh Yên-bái

HÀI - VĂN

Lão-bộc

Ngô gia hữu lão nô,
Lục thập kỷ xuân thu.
Lực thượng thi ma nghĩ,
Nhật thường tác dịch phu
Mục minh hào khả sát,
Nhập mộ thủ duy mô,
Thâm dạ dục như sí,
Lân môn ngộ phóng ô.
Lân ông văn rị rạng,
Tâm viết chích chi đồ
Toại tiềm trí tọa trắc,
Cử thủ phê kỳ tu.
Hoàng khủng khả khất mạnh,
Nãi đắc tuyệt mê đồ,
Ta tai thử giã lão
Nhất ngộ toại di tu.

Lê-Viên soạn

nghĩa là :

Nhà ta có một bõ già,
Xuân thu sấp-sỉ độ đà sáu mươi.
Tuy già nhưng sức còn giai,
Ngày ngày say lúa, vốn người làm thuê.
Mắt tinh chẳng sót vật gì,
Hễ mà tối đến, tay thì suyênh-soang.
Cạnh khuya đương lúc vội-vàng,
Lòng lành ngõ sóm nhỡ-nhàng tống ra.
Có ông ở cạnh nhà ta,
Thấy hình-dung khác, ngỡ là phi-lu,
Bên ngòi đương lúc hững-hờ,
Mon-men lẻn đến tay vờ lấy râu.
Rẽ-run xiết nỗi khẩn cầu,
Vì không khéo miệng, còn đâu là đời.
Lão già đêm ấy thương ôi !
Một nhầm mà để bia cười về sau.

Nguyễn-xuân-Thường

Chánh-hương-hội xã Thạch-đế dịch

đã không còn ở trước mắt, mà đây là cảnh vật Tô-giang. Nghĩ câu cũ, nhớ người xa, có muốn gửi lên cho Mr Nguyễn-tiến-Lãng :

Tô-giang thảo thụ bà-xa,
Nhìn trông phong cảnh mà ta nhớ mình.
Bái-trung sơn thủy hữu tình,
Vui chơi non nước, xin mình nhớ ta.

Tản-Đà

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

Băng-hồ hàn-vận

(Tiếp theo)

13— *Thẩm - thị*, người Đồng Hương, là vợ chưa cưới của Diêu-Liêm. Nàng hai mươi tuổi, Diêu-Liêm mất. Cha mẹ cũng theo ý nàng, cho đưa về nhà chồng thủ tiết. Ba năm hết tang, lập người kế-tự cho chồng, làm thơ rồi tự vẫn, không chết; lại nuốt kim, cũng không chết. Đêm mộng thấy chồng về bảo rằng: nàng nên bắt chước ông Di, ông Tề. Bèn nhịn ăn mà chết. Bấy giờ là năm Bính-ngọ, đời Khang-Hi. Thơ rằng :

Thiếu tiểu tằng phiên liệt-nữ thiên,
Cảm tương tâm-tích nghĩ tiền-hiền.
Chỉ tri tòng nhất nhi chung nghĩa,
Tất mạnh truy tùy đáo cửu-nguyên.

Dịch nghĩa

Liệt-nữ từng xem truyện tỏ tường,
Người xưa, đâu dám dọ can-trường,
Một chồng chỉ biết trinh là thế,
Trọn kiếp theo nhau xuống suối vàng.

14 — *Viên-Thục-Tú*, người An-thuận, là vợ chưa cưới của Tiền-hồng-Đồ. Nàng mười sáu tuổi, Tiền-sinh chết ; tin đến, bèn nuốt thoi vàng là của sính-lễ khi xưa mà tự tử. Thơ rằng :

Vị thủ him-hoàn ước,
Hoàn thương ngọc-kính tình.
Vô tàm hoàn dữ kính,
Chỉ giác thử thân khinh.

Dịch nghĩa

Vì giữ ước vòng vàng,
Gương ngọc tình luống thương.
Thân này chi xá kể,
Không thẹn vòng với gương.

Phạm-văn-Nghị

Đề chùa Hang Thái-nguyên

Ai khéo xây nên chái núi này?
Hang hầm ngóc-ngách lạ-lùng thay!
Sơn hà ngảnh lại y như cũ;
Miếu vũ trông lên khác mọi ngày.
Trót-vót từng sen tòa bụt mọc,
Cheo-leo cột đá thợ giời xây.
Chị em ai kẻ lòng sùng-bái;
Chớ ngại đường xa cách nước mây.

Thái-nguyên tức cảnh

Chẳng cảnh đâu bằng cảnh Thái-nguyên.
Phong-lưu phú-quý tự thiên-nhiên
Mía mầm Bắc-kạn pha mùi quế.
Chè búp Nam-chang lẫn giọng sen.
Đồn-Mễ giắt về đàn ngựa gạo.
Chợ-Văn kéo đến mấy xe tiền.
Tha hồ thủ dụng kho vô tận.
Cái kiếp trần-ai thế cũng tiên!....

Bùi-đức-Long

THI-ĐÀN BÁ-CÁO

Tập Kiều

An-nam tạp-chí lần này lại xuất bản, được có nhiều vị Độc-giả không lấy vì cách tiếp bất-thường, vẫn sẵn lòng tín-nhiệm, gửi *mandat* về giả trước *tiền mua năm*, lại nhiều Ngài gửi giả cả tiền mua cũ từ *số 1 ở Hàng-Lọng, số 11 ở Bờ-Hồ*. — **Đối với thịnh-tình của các ngài, tôi có định soạn một bài văn Tập-Kiều để tỏ lòng minh-tạ.** Lối văn này từ xưa tôi ít làm, đến nay dùng bút mới biết thật là khó; chỉ chắp nhặt được ít nhiều câu hơi lấy làm như ý, mà không sao nối được cho trọn bài. Vậy cứ thực bá-cáo trong làng thơ, mong các Thi-hào, Nữ-sĩ, ai có lòng yêu mà lựa câu nối tiếp cho được thành toàn bài, trước xin cám ơn, sau xin có thứ quà trân-trọng kính biếu.

* * *

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Con tằm đến thác, hãy còn vương tơ.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Dám xa-xôi mặt, mà thơ-thớt lòng.
Cắn răng bẻ một chữ «đồng»,
Xâm thương chẳng vẹn chữ «tòng», tại ai.
Cũng là nhỡ một nhầm hai;
Ba sinh (1) âu hẳn duyên giời chi đây.
Rằng trăm năm, cũng từ đây;
Duyên này thời giữ, vật này của chung.
. . . . . ,
. . . . (*Đoạn này nối ba câu, hoặc năm câu*)
. . . . . .
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!
Cười rằng tri-kỷ trước sau,
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
Giếng vàng đã rụng một vài,
Mà chàng kim đó là người ngày xưa.
. . . . . .
. . . . (*Đây giở xuống, nhiều ít câu* tùy *ý*)
. . . . . .

Tản-Đà

1. — Xem bài «*duyên nợ ba sinh*» trong mục *Văn-đàn* ở An-nam tạp-chí số 26, ra ngày 23 Janvier 1932

Gươm Danh-Tướng

(L'épée d'Angantyr)

Angantyr, dans sa fosse étendu, pâle et grave,
A l'abri de la lune, à l'abri du soleil,
L'épée entre les bras, dort son muet sommeil;
Car les aigles n'ont point mangé la chair du brave;
Et la seule bruyère a bu son sang vermeil.

Au faite du Cap noir sous qui la mer s'enfonce,
La fille d'Angantyr, que nul bras n'a vengé,
Et qui, dans le sol creux, gît d'un tertre chargé,
Hervor, le sein meurtri par la pierre et la ronce,
Trouble de ses clameurs le héros égorgé.

Hervor

Angantyr, Angantyr, c'est Hervor qui t'appelle
O chef qui labourait l'écume de la mer,
Donne-moi ton épée à la garde de fer,
La lame que tes bras serrent sur ta mamelle,
Le glaive qu'ont forgé les nains, fils d'Ymer.

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, pourquoi hurler dans l'ombre,
Comme la maigre louve au bord des tombeaux sourds;
La terre et le granit pressent mes membres lourds
Mon œil clos ne voit plus que l'immensité sombre,
Mais je ne puis dormir si tu hurles toujours.

Hervor

Angantyr, Angantyr, sur le haut promontoire
Le vent qui tourbillonne emporte mes sanglots
Et ton nom, ô guerrier, se mêle au bruit des flots.
Entends-moi, réponds-moi de ta demeure noire,
Et soulève la terre épaisse avec ton dos.

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, ne trouble pas mon rêve:
Si le sépulcre est clos, l'esprit vole au dehors.
Va! Je bois l'hydromel dans la coupe des forts!
Le ciel du Walhala fait resplendir mon glaive,
Et la voix des vivants est odieuse aux morts.

Ba thước đất rùi trang anh kiệt,
Mảnh di-hài in vết tôn-nghiêm.
Mặc đầu bóng ác gương thiềm,
Xuối vàng một giấc lặng im như tờ.
Dấu anh-hùng còn trơ trên ngực,
Ghì hai tay ba tấc gươm thần.
Tiếng thơm để lại cõi trần,
Cạn bầu máu đỏ, nhuộm ngần cỏ xanh.
Bầu máu đỏ đã đành thấm cỏ,
Xương thịt may thoát mỏ quạ diều.
Sườn non sóng vỗ nước reo,
Đầu non nấm đất quanh-hiu lạnh-lùng.
Thù vạn-cổ nhẽ không người báo,
Gánh thù trao bồ-liễu vai mang,
Lặn lội gai góc phong-sương,
Bên mồ mấy tiếng trăm đường thảm-thê:

— Hỡi cha hỡi, có nghe con gọi,
Oai-linh cha còn lại trên đời,
Thanh-danh lừng-lẫy nhất thời,
Gươm thuyền một mái, bể giời bốn phương.
Cha dù thác, gươm thiêng còn đấy,
Thời xin cha chao lại tay con.
Thù kia chưa giả được tròn,
Gươm này ôm mãi, phỏng còn ích chi!
Hoài của báu xưa kia rèn-đúc,
Phí công người khó nhọc đúc nên.
Cái hồn danh-tướng hồn thiêng,
Dưới mồ lên tiếng ra niềm thử con:

— Này con ta khóc than chi mãi,
Trời đã khuya, đêm tối mò-mò.
Sao con ngồi mãi bên mồ.
Như tuồng sói đói kêu-hò gào ăn.
Con thú đói, đã đành khát máu,
Con chờ gì đau dáu nhường kia!
Sè-sè nấm đất vô-tri,
Nặng nề đá nọ bia kia đè mình.
Mắt đã nhắm cha đành khuất mặt,
Thôi con đừng u-uất khóc than.
Mặc cha chín suối an-nhàn,
Con bao nhiêu khóc, cha phiền bấy nhiêu.

— Hỡi cha hỡi, con trèo lên núi,
Tới mồ cha, ngồi gọi cha lên.
Cha ơi, sóng réo bốn bên,
Ào ào gió hét, cha lên con chờ!
Con kêu khóc mãi; bao giờ,
Bao giờ chín suối cha thưa mới đành.
Mặc gió hét, thất thanh con gọi,
Con kêu gào, cha phải đứng lên!
Lên cho con giãi nỗi-niềm,
Lật mồ, cha hỡi, cha lên mau nào!

— Ồ con bé khéo trêu cha mãi!
Vong hồn này còn mải giấc tiên.
Sác này gửi nấm đất đen,
Nhung hồn kia đã ở yên trên giời,
Hồn cha được vui nơi cực-lạc,
Hội anh-hùng dang nhắp rượu tiên.
Hào-quang chói-lọi muôn nghìn,
Gươm cha nay hóa gươm tiên, gươm trời.
Nghe nhắc lại truyện đời thêm ghét,
Con kêu chi tha-thiết lắm nhời.

Hervor

Angantyr, Angantyr, donne-moi mon épées
Tes enfants, hormis moi, roulent nus et sanglants
Dans l'onde où les poissons déchirent leurs reins blancs.
Moi, seule de ta race à la mort échappée.
Je suspendrai la hache et le glaive à mes flancs.

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, restons ce que nous sommes,
La quenouille est assez pesante pour ta main.
Hors d'ici ! Va ! la lune éclaire ton chemin
O femme ! Hors d'ici ! le fer convient aux hommes,
Et ton premier combat serait sans lendemain.

Hervor

Angantyr, Angantyr, rends-moi mon héritage !
Ne fais pas cette injure à ta race, ô guerrier!
De ravir à ma soif le sang du meurtrier
Ou sinon, par Fenris ! puisse le loup sauvage
Arracher du tombeau tes os et les broyer!

Angantyr

Mon enfant, mon enfant, c'est bien, ton âme est forte,
La fille des héros devrait parler ainsi
Et rendre à leur honneur son éclat obscurci.
Prends l'Épée immortelle, ô mon sang ! et l'emportes.
Cours, venge-nous et meurs en brave. La voici.

* * *

Angantyr soulevant le tertre de sa tombe,
Tel qu'un spectre, les yeux ouverts et sans regards,
Se dresse et lentement ouvre ses bras blafards
D'où l'épée au pommeau de fer s'échappe et tombe.
Et le héros aux dents blanches dit : Prends et pars.
Puis, tandis qu'il s'étend sur le dos dans sa couche
Qu'il recroise ses bras et se rendort sans bruit
Hervor *En brandissant l'acier qui vibre et luit,*
Ses cheveux noirs au vent, comme une ombre farouche.
Bondit et disparait au travers de la nuit.

Le conte de lisle

(Poèmes Barbares)

— Cha ơi, ới hỡi cha hỡi !
Trả con gươm báu nữa mai phục thù.
Trên tiên trông xuống thấy chưa,
Anh con thầy đã theo cha suối vàng.
Chết thảm-nhục, chết bi-thương ;
Láng-lênh chảy máu, sỗ-sàng phơi thây.
Thây vô-chủ nào ai khâm-liệm,
Mà lại còn bị ném giữa giòng.
Làm mồi cho cá đã xong,
Cha ơi đau sót nỗi lòng con đây !
Một phận gái con nay ở lại,
Vì giống nòi con phải lo toan.
Xin cha gươm ấy, con mang,
Mang gươm rồi sẽ chiến-trường xông-pha

— Thôi con ạ, đàn-bà phận gái,
Thân yếu hèn con phải biết mình.
Ngôi nhà kim chỉ thôi đành,
Cũng đà nặng nhọc, tung-hoành được nao
Thôi con nhé, giăng cao soi rõ.
Này lối về, trông tỏ mà về.
Về đi, thôi chớ nằn-nì,
Về đi, đừng tưởng-mơ chi phục-thù.
Thanh gươm nặng phải chờ tráng-sĩ,
Chỗ chiến-trường há dễ trò chơi ?

— Cha ơi, trăm lạy cha ơi,
Thanh gươm quí, ấy gia-tài về con!
Sao nỡ để con buồn con bực,
Mà để căm để nhục cho nòi ?
Cha ơi, con khẩn hết nhời,
Cha ơi, cha chớ rẻ lời con kêu.
Cha rẻ con, con liều con nguyện,
Thà sới rừng bới huyệt cha lên.
Cho thịt nát, cho xương tan,
Thà cho tuyệt tích, còn hơn nỗi này!
Còn hơn để cha đây con đó,
Mà nhẽ nào cha nỡ quên thù ?

— Con ơi, cha khá khen cho,
Khen con bỏ-liễu chẳng thua râu mày.
Giống nòi cha thế này mới đáng,
Giốc một lòng tỏ rạng tổ-tông.
Gươm thần cha giữ trên lưng,
Này cha trao lại, con nâng gươm về.
Hỡi con hỡi, đi đi cho chóng,
Hỡi con ơi, phải nóng mà đi!
Đi mà rửa sạch thù kia,
Dù cho thác, cũng thác vì danh thơm,
Này đây, gươm báu con cầm!

* * *

Vong hồn miệng nói, đang nằm ngồi lên.
Hồn hiển-hiện càng nhìn càng rợn,
Sác trơ-trơ càng ngắm càng ghê.
Mở tay, gươm báu rơi lìa,
Miệng còn dặn lại :« Gươm kẻ, con ơi!
Con đeo lấy, nữa rồi rong ruổi.
Nói rứt lời, tay lại khoanh tay.
Ngả lưng nằm xuống êm thay,
Êm êm mà ngủ giấc này mới yên.
Tay thì múa gươm thiêng lấp-lánh,
Gái anh-thư rã cảnh bước ra,
Bước ra lẫm-liệt nét hoa,
Tóc đen bỏ xõa gió đưa trên đầu.
Bước rụt một bước một mau,
Săm-săm tìm lối phục-thù tới nơi.
Dặm khuya, ngất lạnh mù khơi....

Yên-Bái, 13 tháng giêng Nhâm-Thân.
Nguyễn-tiến-Lãng dịch

HÁT NÓI

Nghĩ bài hát: **Dân Bắc-kỳ mừng quan Toàn-quyền Sarraut mở trường Kỹ-nghệ**

Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Vở lòng học lấy những nghề nghiệp hay.
Cửa hàng buôn bán cho may,
Nghề này thời lấy ông này Tiên-sư!

Nhất nghệ bất tri nho giả sĩ, huống chi là bách nghệ công thương. Có tranh đua trên chốn thị-trường, rồi mới biết «tiểu dịch đại, nhược dịch cường» là rứa tá. Hồng-Lạc tử-tôn thiên tải hạ Á, Âu phong hội bách niên lai. Bấy lâu nay Bảo-hộ nhờ Ngài, sự khai-hóa ai ai đều đội đức. Tam-Đảo chi Nam Tam-Diệp Bắc, mở một trường Nghệ-học giữa Đông Đô. Này thợ thêu, này thợ vẽ, này thợ nặn, này thợ khảm, này thợ rèn, này thợ bạc, này thợ đồng hồ, ông Bác-vật, dạy cho rành cách trí. Thế mới biết cải-lương là thịnh-ý, hạt văn-minh Âu, Mỹ rắc giời Nam. Thứ dân tôi xin giốc chữ đồng-tâm, giác máu hủ chăm-chăm nghề-nghiệp mới. Nữa mai mốt may ra mà tấn-tới, cờ thông thương phấp-phới bể năm châu: không thày dễ được thế đâu?

Ngô Khê-ngư nguyên tác
Mai-khê cung lục

Qua cầu Hàm-Rồng hứng bút
(4 Mars)

Hôm xưa chơi ở Dương-qui,
Trắng phau ngựa trắng, xanh rì rừng xanh.
Hàm Rồng nay lại qua Thanh,
Dưới cầu nước biếc in hình thi-nhân

Tan Đà

Ai muốn cùng tôi theo chơi về thơ ca quốc-văn, xin cứ viết thư về hỏi.

Nguyễn-khắc-Hiếu

GIỮ BÍ MẬT...

(Tiếp theo)

Một lúc sau, chạy đến chỗ đó thấy có một cây cổ-thụ mọc là là đâm ngả ra giữa lối đi, chàng bấm đèn, cúi lom khom chui qua sang bên kia, lúc vừa ngóc đầu lên, thì một con khỉ to lạ thường, từ trên cao nhảy xuống, ôm chặt lấy cổ chàng mà cắn chàng cố vùng ra, bị ngã vật xuống đấy, khẩu súng văng ra một chỗ, con khỉ cũng bị ngã theo. Nhưng nó lại chạy ôm ghì lấy chàng mà cắn ngay, chàng phải dùng hết sức vật-lộn mãi với nó, rồi luồn tay dút con dao đeo ở thắt lưng, nhằm bụng nó mà đâm một nhát thật mạnh; con khỉ rít lên một tiếng mới chịu buông ngã chổng kềnh ra đất, lưỡi dao cắm ngập hết cả. Chàng Chu-Thanh bị đau quá, máu chảy ròng ròng, nhưng vẫn phải gắng sức chạy thục thân. Mãi gần tảng-sáng, mới ra khỏi rừng, thì trước mặt lại có một quả núi chắn ngang hết lối đi, chàng phải chèo qua. Khi lên đến đỉnh núi, nhìn xuống mạn bên kia, thấy thấp-thoáng có mái nhà, thu-hình nấp dưới bụi cây thông.

Chàng mừng quá, lần xuống đi một quãng đường nữa thì tới tỉnh. Giời chưa được sáng rõ, xương phủ lờ mờ, phố xá hãy còn im lặng, chàng chạy vội đến bực cửa thềm nhà kia thò tay đập cửa, chực lên tiếng gọi người cầu cứu, nhưng than ôi! sức đã kiệt, tinh thần mệt lả, chàng ngã xuống vệ hè, lăn nhào xuống dãnh...

II

Ngày hôm sau, lúc chàng tỉnh dậy thấy mình nằm trong bệnh-viện tỉnh Ba-lê, khắp mình buộc băng trắng; chàng lấy làm lạ, đưa cặp mắt lờ đờ như đã hết tinh-thần, nhìn khắp chung quanh, tưởng hình mơ màng trong giấc chiêm bao. Chàng thấy ngay đầu giường chàng, một bà cụ già, tóc bạc như tuyết, đứng đăm đăm chủ ý nhìn chàng mà cái khuôn mặt thì bé nhỏ khô héo, hai cái gò má dô ra, bên dưới lại thót sâu vào, hai con mắt thâm quầng đỏ hoen, trông vẻ mặt rất bi sầu thảm đạm. Chu-Thanh cố gượng ngóc đầu dậy, định muốn hỏi một điều gì, nhưng bà cụ vội cúi đỡ ngay chàng nằm xuống và nói thều thào trong cổ họng:

— Cậu có đau rức lắm không?... Phúc đức quá, lão tưởng không kịp đưa cậu vào đây cơ đấy. Bà cụ nghỉ hơi cho đỡ mệt, rồi lại nói tiếp:

— Bây giờ cậu đã tỉnh tỉnh thì lão cũng mừng, lão sẽ cầu nguyện đức Thượng-đế cho cậu chóng được bình phục; thế này là may, huống hồ còn sống xót mà về được đến nhà đến nước, còn gặp gỡ trông thấy cha mẹ anh em; chứ như lão đây thì mới cay đắng đủ đường... Con giai của lão; trời bắt tội nó chẳng may ngắn số, cháu nó đã tử trận rồi...

Bà cụ nói đến đấy, ôm mặt khóc nức nở. Chu-Thanh cảm-động quá, nhưng không sao gượng dậy được, mở mắt nhìn theo, cảm-tình chan chứa, ý chàng muốn giơ tay níu lại, nhưng bà cụ đã từ từ đi ra đến ngoài bực cửa; rồi dần dần, chỉ còn nghe thấy tiếng nức nở sụt xùi, một ngày một xa...

Chu-Thanh vật mình xuống nệm, đã tức bực lại đau lòng, một tiếng thở dài, hai hàng nước mắt tuôn theo....

*
* *

Cách hai tuần lễ sau, đêm đó là đêm chủ nhật, lúc ấy đã khuya lắm; đồng hồ nhà thờ đã bình-boong điểm 12 tiếng thông luôn.

Trong một hàng cà-phê thấp lụp sụp ở ngã tư xóm Mông-mạc (Monmartre), hãy còn náo động ầm ầm, những tiếng đàn hòa thánh thót, lúc bổng lúc chầm êm đềm réo rắt; dù khách qua đường không phải chính mặt làng chơi, thì cũng phải ngần ngừ chậm bước, để lắng nghe những câu hát véo von của phường ca nữ ở đấy.

Một giờ, hai giờ...

Các ngách phố xóm Mông-mạc thấy im lặng, trong hàng cà-phê khách đã vắng teo; anh chủ hàng gật gù buồn ngủ díp cả mắt, thỉnh thoảng lại ngáp ngoạc dài mãi mồm ra, trông rất buồn cười.

Bàn ghế đã thu xếp đâu vào đấy, anh bồi đã quét dọn đống rác lù lù ở giữa nhà, thế mà ở góc tường hãy còn ba bốn anh, dáng chừng cũng vào hạng bất tử; quần áo nhố nhăng, mũ giày lệch lạc, hãy còn ung-dung ngồi khề khà chén rượu, ăn uống nhồm nhoàm, nói năng thô bỉ. Những anh này không nấy tối là vắng mặt ở các hàng cà-phê, lu-bù rượu chè, cờ bạc, thỉnh-thoảng lại còn gây nên án mạng nữa. Anh chủ hàng có biết thế là nguy-hiểm; nhưng cũng chẳng dám há mồm; lôi thôi là chúng kéo bè kéo đảng ra bịch liền.

Cùng ở hàng cà-phê ấy, trong một gian phòng nhỏ bé trên gác, một chàng thanh-niên vận binh-phục, vẻ mặt nghiêm-nghị, đương cắm đầu cắm cổ viết, chốc lát lại ngừng tay nghĩ ngợi, rồi lại húy hoáy viết luôn; hình như rất chú-ý vào công-việc của mình, không có biết gì đến sự-vật khác nữa. Từ tiếng quả lắc đồng hồ tích tắc, tiếng đàn hát dưới nhà văng vẳng, tiếng chuột đuổi nhau lít chít trên sà nhà, cái gì cũng chẳng đủ khiến cho chàng tạm dừng tay trên mảnh giấy.

Chàng ấy là chàng Chu-Thanh.

Một lúc sau, cái quản bút từ trên tay đặt xuống bàn, Chu-Thanh cầm tập thơ vừa viết xong, đưa lên lẩm bẩm đọc...

Chẳng hiểu vì sao thấy chàng gấp lại mà sé nhỏ ra từng mảnh.

Chàng ngồi thừ ra, không nói năng chi cả, hai tay đút túi quần, đôi mắt chòng chọc nhìn xuống làn khói xanh xanh bay ngòng ngoèo như con rắn, ở cái mẩu thuốc lá đang cháy dở; rồi chàng bỗng vùng đứng

dậy như sực nhớ đến việc gì trong óc, nét mặt hiện ngay ra 2 vết nhăn, rồi trên cặp môi một nụ cười — cái cười sâu xa nghiêm nghị. Chàng móc túi lấy chìa khóa mở va-ly, lấy hai bức thư trông đã cu cũ đem ra bàn xem, đọc đi đọc lại đến hai ba lần, hình như ở trong thư có nhiều điều bí-hiểm và quan-trọng lắm! Mà thật vậy, hai bức thư của bạn chàng đã giao gửi và phó thác cho chàng, trước khi bỏ mình nơi chiến địa.

Thương ôi! Chi-lan nghĩa nặng kẻ khuất người còn! Nhớ lại: mới ngày nào cùng nhau nối gót ra đi. Nào những lúc đêm trường tĩnh-mịch, mặt biển lênh-đênh, nào những khi đất khách bơ-vơ, hồn quê lai-láng, mấy nhời trò-chuyện văng vẳng bên tai, mà rồi đây, lúc bước chân lui về quê nhà, lủi thủi một thân bao nhiêu sự vui sự buồn biết cùng ai sớm khuya san-sẻ?

Ông xanh kia thực là hờ hững chêu ngươi, một cái gia-đình đương đầm ấm yên vui như gia-đình của bạn ta, sao nỡ đang tay giầy vò tan nát?

Phan-Linh ơi! Chu-Thanh này sẽ hy-sinh về bạn, nơi suối vàng hồn bạn khá thiêng liêng chẻ chở, nếu một ngày kia kết quả toàn vẹn, bấy giờ bạn chắc được yên lòng,.. yên nằm xương tàn, vùi sâu trong đống đất!

* * *

Nhổ neo quay mũi, trông về Đông-Bắc thong dong; hôm 17 tháng giêng năm 1921, một chiếc chiến-hạm trở các binh linh mãn khóa về Đông-dương, con tầu đang phăng phăng như rẽ sóng luồn mây trên mặt biển mênh mông bát ngát, nơi chân giời mù-mịt, càng trông càng xa lắc xa lơ...

Gió giập ào ào, sóng vẫn nhô đầu gầm thét lớp này lớp khác đuổi nhau, như có điều bất bình gì mà muốn dìm cái vật đen sì kia đương bềnh bồng trên mặt nước.

Phương trời man mác, tiếng nhạn lạc đàn vơ vẫn; buồn cho cảnh, ngán cho tình, đưa cặp mắt là đà trông tứ phía, nào đâu bãi cát đồi cây??

Than ơi! Càng mừng cho mình đây sống sót, càng thương cho vong-hồn người bạn đã qua. Công Hầu, Khanh Tướng mà chi, rồi cũng cỏ khâu một nấm, giấc ngàn thu là kết-quả cái phù-sinh! Ôi! cái bả vinh hoa, nó bắt buộc người không tránh khỏi,

. . . . . .

. . . . . .

. . . . . .

Chàng thanh-niên lẩm bẩm nói đến đó, từ từ thơ thẩn, đứng vịn trên hàng lan can tầu, rồi uốn mình trông xuống mặt nước.

* * *

Một buổi chiều thu, trên đường đê đi về lối làng Mộng-hà, tịnh nhiên không có bóng người qua lại.

Xa xa, một luồng gió lốc, bụi cát mịt mù, trông thấp thoáng một cái bóng đen từ từ đi đến. Hai bên đường vẫn tiếng thông reo réo rắt, đàn nhạn lửng lơ theo gió cuốn, lá vàng lác đác, chiều thu rơi rụng tả tơi... Vẳng bên tai, tiếng mõ buổi hoàng hôn, khuây lửa tục chuông chùa inh ỏi điểm.

Người một nơi, cảnh một nơi, phải chăng đây là chốn cũ tình xưa? Hồi tỉnh lại, mấy mươi năm trời về trước, cái thời kỳ dĩ vãng lại hiện ra trước mắt: nào lúc chiều thu dạo gót, ngắm cảnh ngâm thơ, nào khi trò chuyện dưới bóng giăng, đủng đỉnh con thuyền mặt nước.

Mà ngày nay... Ôi! Mối hận còn in sâu trong khối óc, nỗi mừng xum họp đều tan tành theo mây, khói, gió, mưa.....

Giữa làng Mộnh-hà, một chiếc nhà gạch nguy nga tráng lệ, dân làng ai cũng phải để ý tới. Chiếc nhà này làm đã ba bốn năm nay, chung quanh cây cối bao bọc um tùm, lại thêm một hàng dào cau, cao ngất nghều như ngọn dáo nhọn, vây ngăn từ lối đi ngoài cổng vào.

Chiều hôm ấy, lúc nhá nhem tối, một người lạ mặt vận binh phục, đi lảng vảng ngoài cổng, chốc lát lại dừng bước nhìn chòng chọc vào trong nhà; rồi thấy người đó lẩm bẩm nói một mình:

— Quái nhỉ? Mà chính đây rồi, nhầm sao được! Nhưng.., lạ thay, nhà ta xưa vốn mái gồi, vách đất, sao bây giờ lại thành ra một tòa nhà gạch đẹp để nhường này? Không... quyết là không phải, ta thử tìm nhà hỏi thăm mới được. Nói đoạn người đó lộn sang cái nhà lá, thấp lụp sụp ở dưới đường đê. Trong nhà, một ngọn đèn vách tối lù mù, một bà cụ già ngoại 60 đang ngồi cúi lom khom khâu vá.

Khách chật mũ chào hỏi:

— Thưa cụ, con ở xa về đây, muốn hỏi thăm, nhà cụ Phán-Điềm thân sinh ra cậu Thanh ngày xưa ở chỗ nhà gạch kia, phải không ạ?

Bà cụ ngẩng mặt lên nhìn khách hỏi thăm, rồi ngồi thừ ra ngẫm nghĩ,.. Một lúc sau nói:

— À, có phải cụ Phán-Điềm bố chồng cô Loan-anh mà chồng đi lính phải không?

Khách mừng rỡ đáp:

— Thưa cụ vâng ạ.

— Thầy là thế nào với cụ ta?

— Thưa cụ, con là người họ hàng, đi làm xa, nay muốn về thăm gia-quyến cụ Phán.

Bà cụ nâng cái kính bỏ vào thúng, mời khách ngồi, rồi nói:

— Thầy ở mãi đâu mà bây giờ mới tới đây?... Cụ Phán mất rồi còn đâu. Cái nhà gạch kia là của con dâu cụ ta đấy. Nhưng mà.... chuyện nhà cụ ta lôi thôi lắm! Ấy, từ ngày cụ ta mất đi đến giờ thì gia-đình tan-nát hết cả. Đã ngót mười năm nay mà thầy cũng chưa biết ư?

— Con cũng đi lính, nhà nước đổi con sang mãi Quảng-Châu-Loan, nên xa sôi có biết gì đâu.

— Khốn nạn, tôi cũng ái ngại cho cụ Phán, thôi thì hiền lành nhũn nhặn, ăn nói ngọt ngào như đàn bà vậy. Người con giai của cụ ta thì khôi ngô phép tắc, bấy giờ cậu ta còn đi học ngoài tỉnh, năm chừng mười họa mới về chơi làng. Ông cụ Phán có lấy cho người vợ, đâu con ông Tú nào ấy mà; cô ta đảm đang thùy mỵ lắm, trông người ông ả đẹp quá, ai cũng khen. Đùng một cái, ông cụ Phán qui-tiên, cậu ta thì buồn phiền, đâm ra chơi bời, rồi ngay cái hồi ấy, ở làng mộ lính sang Tây, thế là đâm ra đi, vợ con khuyên ngăn thế nào cũng chẳng được.

(Còn nữa)

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

8

Trà-sơn
dịch

A... hay là ở xứ Nê-va-đa chăng? Nàng lắc đầu.

— Vậy ở Ca-li-phó-ni chăng?

— Còn phải đi quá về phía tây chút nữa.

— Thôi tôi chịu. Đi quá về phía tây chút nữa, thì tức là Thái-bình-dương.

— Chính phải đấy.

— Đố thế thì thánh cũng không thể biết được, phương chi tôi lại kém về môn học địa-dư.

— Thứ nhất là tôn-ông kém về môn học sử-ký. Tôn-ông còn nhớ những việc chinh-phạt của tệ-quốc không?

Chàng Xen-đôn ra vẻ đắc thắng mà la lên rằng:

— Thôi Phi-luật-tân (1) phải rồi! Lần này tôn-ông đi xa quá. Đảo Hải-oai (2) mới phải.

— Cô-nương quý-quán ở Hải-oai ư?

—Thưa vâng.Tôi sinh ở nơi đó.Xứ này đẹp lắm, mỗi khi tôi nhớ đến thì tôi lại bùi ngùi mến tiếc. Dưới trời chỉ có xứ này là đẹp hơn hết. Khi xảy ra cuộc địa-trấn, tôi đã phải lìa bỏ xứ tôi mà sang ở thành Nữu-ước rồi.

Chàng Xen-đôn lộ vẻ buồn rầu mà hỏi rằng:

— Nếu đảo Hải-oai là nơi xinh đẹp, sao cô-nương không trở về đó mà ở? Sao cô-nương lại lưu-lạc đến cái địa-ngục Sa-lô-mông quần-đảo này làm chi?

— Thế mà họ nói rằng ở đây có nhiều người đã từng kiếm được bạc triệu, thí-dụ như ông Ninh-sơn chẳng hạn.

— Vâng, thưa vâng, tôi cũng biết, nên tôi cũng muốn noi theo gương ấy. Cứ kể ra thì ở đây người làm nên giầu cũng có, mà người chết bỏ sác ở đây lại là phần nhiều.

— Ấy, ông thân sinh đáng thương của tôi cũng nói vậy.

— Ông thân sinh đáng thương của cô ... Vậy thì ông thân sinh ra cô-nương mất rồi ư?

Nàng ra hiệu cho là phải.

Hai mắt nàng sầm lại, hạt châu lã chã khôn cầm. Rồi nàng lắc đầu ra dáng kiêu-ngạo như muốn làm cho khuây khỏa nỗi buồn rầu, có thế mới hợp với tư-cách một người đầu đội mũ mục-đồng, lưng đeo khẩu súng dài nòng.

Nàng nói:

— Cái điều giản-tiện hơn hết là tôi xin thuật theo thứ-tự cái lịch-sử của tôi để tôn-ông nghe. Tôi sinh ở Hy-lô thuộc đảo Hải-oai là một hòn đảo to nhất và đẹp nhất trong quần-đảo này. Tôi được hưởng một cái giáo-dục cũng như là phần nhiều các chị em thiếu-nữ khác. Họ thích sinh trưởng ở chỗ thoáng khí; họ biết cỡi ngựa, biết lội trước khi họ học tính sáu lần sáu là bao nhiêu.

«Ấy, cái «ca» của tôi là thế. Tôi biết lội và biết cỡi ngựa từ lúc tôi chưa học A B C. Ông thân-sinh ra tôi có nhiều trại và nhiều ruộng đất ở các đảo ấy, để làm nơi trăn nuôi súc vật. Ở Hồ-cư-mã tôi được bắn dê và bò rừng. Ở Mồ-lô-cai người ta thường thấy có nhiều hươu sao lắm.

Vương-công làm quản-lý trại Hồ cư-mã. Ông có hai người con gái cũng trạc tuổi tôi. Cứ đến mùa viêm-nhiệt thì tôi lại sang ở với mấy cô đó. Đã có lần tôi ở với các cô ấy trong suốt một năm. Chị em chúng tôi ở đó với nhau chẳng khác gì ba người mọi Da-đỏ. Chúng tôi chỉ thích đi đây đi đó. Tuy rằng chúng tôi có các bảo-mẫu theo dạy việc tề-gia nội-trợ, đường chỉ mũi kim, nhưng, muốn cho chúng tôi khỏi nhẩy lao nhẩy sổn, thì chỉ có cách là phải hứa cho chúng tôi cỡi ngựa, hoặc là để đi chơi phiếm, hoặc là để dồn trâu bò về chuồng.

«Vương-công đã từng đầu quân, còn ông thân-sinh ra tôi thì là một tay thủy-thủ lão-luyện. Tuy nghiêm thì có nghiêm, nhưng các ông chiều chúng tôi lắm. Tôi và các cô con gái Vương-công đều bồ côi mẹ. Cứ xem cái giáo-dục của chúng tôi thì biết.

«Khi nào chúng tội làm bài vở xong, thì chúng tôi được thả lỏng. Các ông coi chị em chúng tôi như là bạn vậy. Các ông dạy chúng tôi tất cả môn học trăn nuôi, và cách chăm nom súc vật, để một ngày kia chúng tôi có đủ tư-cách bảo-ban quản-đốc những người làm.

Ngoài ra chúng tôi lại phải pha rượu «thập-cẩm» (cocktails) là một việc không thể giao-phó cho một thằng ở nào hết.

Còn như việc «thòng-lọng» ngựa, đóng yên ngựa, thì thường để cho tụi mục-đồng họ làm. Song, nếu cần ra, những việc như thế chúng tôi làm được tất cả.

Chàng Xen-đôn hỏi:

— Cô-nương gọi «thòng-lọng» ngựa là thế nào?

— Thòng lọng ngựa nghĩa là khi nào có một con ngựa sổng, thì lấy một cái giây đánh thòng lọng sẵn choàng vào cổ nó mà giắt về, rồi đóng ngay yên vào. Về việc này ông thân-sinh ra tôi và Vương-công rất là lưu-ý. Các ông xem-xét việc của chúng tôi làm từng ly từng tí.

«Việc giữ dìn súng ống cũng vậy, nguyên vẫn có người ở họ bôi mỡ và lau chùi, nhưng, chúng tôi cũng học làm lấy, để có thể kiểm-soát lại công việc người nhà làm. Đã nhiều lần, lúc ban đầu vì còn bỏ

(1)Quần-đảo Phi-luật-tân ở biển Trung-hoa, nguyên trước là thuộc-địa của Y-pha-nho, năm 1898 người Hoa-kỳ giật mất.

(2) Đảo Hải-oai nhất-danh là đảo Sang-đích cũng sáp-nhập làm thuộc-địa của Hoa-kỳ tự hồi đó.

sót một vết rỉ cỏn con, chúng tôi bị phạt không được dùng súng trong tám hôm.

«Lại khi chúng tôi đi rừng gặp mưa thì chúng tôi cần biết dóm bếp bằng củi ướt, làm sao cho nó cháy được. Trừ cái bài mẹo ra, tôi tưởng không còn cái gì khó học bằng việc này.

«Ông thân-sinh ra tôi và Vương-công tức là hai tay phụ-đạo của tôi đó. Ông thân-sinh ra tôi thì dạy tôi tiếng Pháp, Vương-công thì dạy tôi tiếng Đức. Các ông dạy tôi cũng loàng-nhoàng; các bài chúng tôi học trên yên ngựa hay ở giữa rừng, còn có bổ-ích cho chúng tôi hơn là những bài các bà bảo-mẫu dạy chúng tôi học ở trước bàn học.»

— Cô-nương cho nghe nốt.... Xin cô-nương cho nghe nốt.

— Gặp lúc chiều giời mát mẻ, hai cô con gái Vương-công thường đến thăm tôi ở Hy-lô là nơi ông thân-sinh ra tôi có hai ngôi nhà; một ngôi ở ngay bờ biển.

« Chúng tôi hết phi ngựa lại bơi thuyền, hết câu cá lại tập lội. Ông thân-sinh ra tôi vốn có chân trong Ngự-thuyền câu-lạc-bộ ở Hải-oai, nên thường cho chúng tôi đi theo. Ông thích chơi biển lắm, không mấy lúc là ông không nói đến chuyện đi biển.

« Năm tôi 14 tuổi, tôi đã được nghiễm-nhiên đóng vai chủ nhà, có quyền bảo-ban kẻ ăn người ở, mà nhắc đến cái quãng này trong đời tôi, bây giờ tôi cũng vẫn lấy làm tự-đắc.

« Năm tôi 16 tuổi, tôi cùng hai người chị em bạn kia, bị phải sang trọ học ở trường Minh-sơ ở bên Ca-li-phó-ni. Trường này, lúc bấy giờ có tiếng lắm. Ở đấy không khí thật là khó thở. Chúng tôi đã nhớ nhà lại bị các cô thiếu-nữ khác động gặp chúng tôi, thì bĩu môi, bĩu mỏ, lại coi chúng tôi chả khác gì tụi mọi nhỏ vẫn ăn thịt người.

« Họ thường nói bóng nói gió, buộc tội cho tổ-tiên chúng tôi đã ăn thịt đại-úy Cốc. Thế mấy thật bậy quơ chứ. Trước hết là vì tổ-tiên chúng tôi không ở Hải-oai, sau là vì đại-úy Cốc không bị người nào ăn thịt mất.

« Tôi ăn ở trong trường Minh-sơ ba năm giời ấy tựu-trung cũng có khi dán-đoạn vì những lúc tôi đi về thăm nhà. Ở đó về, tôi sang ở hai năm bên Nữu-ước, là nơi ông thân sinh ra tôi làm nên giầu có lớn, và bao nhiêu ruộng đất ở Hải-oai bán đi hết (Vương-công cũng mua lại được ít nhiều), rồi dọn cả nhà cửa sang đấy ở.

« Nhưng không may, ông thân sinh ra tôi, chỉ gặp có hai việc mà thành ra sa-sút, việc thứ nhất là việc giồng mía ở Mão-uy (thuộc đảo Sang-đich). Đất ở đó thì xấu, cứ các viên kỹ-sư canh-nông đi xem xét thì khi về họ làm tờ trình bố láo cả. Việc thứ hai là việc đặt trong đảo ấy một con đường hỏa-xa, tên là « Cái ngông của Lạc-lan thiếu-nữ ». Một ngày kia, con đường này cũng sinh lợi, nhưng khi có lợi thì muộn quá rồi.

« Chúng tôi lại bị dấp đến cái việc thất-bại vì con sông đào Bế-lô-lô. Rồi tiếp ngay dịp đại khủng-hoảng ở các Ngân-hàng, thế là bao nhiêu mối hy-vọng cuối cùng của chúng tôi, đều bị hụp vào hai việc ấy. Khốn nạn, tôi nghĩ mà thương cho ông thân-sinh rất tốt và đáng quý của tôi! Ông muốn giấu tôi cái tin buồn ấy, nhưng tôi xem nhật-báo đã biết rõ cả rồi.

« Các chị em bạn tôi ở trường Minh-sơ chỉ nghĩ đến có một việc hôn-thú. Các bà giáo thì cắt nghĩa như rót vào tai chúng tôi rằng : cái hạnh-phúc bình-sinh của một người đàn bà trông cả vào đó. Các bà nói đến nỗi tôi cũng phải tin là có lý.

« Vì cha tôi sa-sút, mà cảnh gia-đình đang vui vẻ, bỗng chốc hóa tang-thương, cái đời lênh-đênh chìm nổi của tôi, bắt đầu từ đấy. »

Chàng Xen-đôn hỏi :

— Thưa cô-nương, cái việc biến-cố ấy xảy ra đã bao lâu nhỉ ?

— Thưa tôn-ông, mới năm ngoái đây, tức là cái khi xảy ra việc sụt giá cổ-phiếu kia vậy.

Chàng Xen-đôn nghiêm nét mặt nói tiếp :

— Ta thử tính coi... Mười sáu với ba, với hai, với lại một, là đi hai mươi hai. Vậy thì cô-nương sinh năm 1887, và năm nay cô-nương hai mươi hai có phải không ?

— Thưa đúng như vậy. Nhưng sao tôn-ông tò-mò thế !

— Xin cô-nương tha lỗi cho. Nhưng cô-nương hẳn cũng chịu cho rằng bài tính-đố này giải-quyết được, cũng thú-vị lắm chứ.

— Tôn-ông nói với tôi câu chuyện nào cũng vô-duyên lắm. Cái đó chả biết tự bẩm-tính của tôn-ông, hay tại Tôn-ông là người nước Anh nên có cái tính-tình ấy ?

Trong cặp mắt nàng, bấy giờ lộ ra vẻ chế-riễu cay độc, rồi nói tiếp :

— Xen-đôn tiên-sinh ơi ! Tiên-sinh phải nên đọc qua cuốn sách « Chồng Anh vợ Mỹ » của Diệc-túc An-bích-tôn cho biết.

— Cám ơn cô-nương. Tôi biết cuốn đó. Rồi chàng chỉ vào cái giá sách trong các ngăn có đầy những sách mà nói thêm rằng :

— Cuốn sách đó hiện ở đây kia. Nhưng, tư tưởng xem ra hình như có vẻ thiên-lệch.

— Cái đó cố-nhiên. Phàm cuốn sách nào mà không ca-tụng nước Anh và những người Anh đều là khả-nghi cả... Dù sao mặc lòng, thật quả xưa nay, bao giờ tôi cũng ác-cảm với những người Anh. Cái người tôi quen biết cuối cùng, là người quản-lý một cái trại của nhà chúng tôi ở Hải-oai, sau ông thân-sinh ra tôi phải «mời» tiên-sinh ấy nghỉ việc.

— Một con cừu non ghẻ-lở có đâu làm lây tiếng đến cả một đàn cừu.

— Đã đành thế, nhưng cái điều tôi biết chắc chắn là cái ông người Anh đó đã làm phiền lòng chúng tôi nhiều lắm. Vả, từ nay tôn-ông cũng chả nên vô-cớ chọc tức tôi làm gì. Tôi có tính xấu, tôi tự biết lắm...

— Tôi sẽ gắng sức để cô-nương khỏi phiền lòng.

(Còn nữa)

Tản-Đà thư-cục đại tiến-hành quảng-cáo

Các sách của **Tản-đà thư-cục,** từ năm **1932** này giở đi, thực-sự in ra mãi mãi. Đại-lược chia làm 6 bộ-loại : *Luận-thuyết.* — *Thơ-ca.* — *Trước-tác.* — *Dịch-thuật.* — *Tiểu-thuyết.* — *Hài-hý.* Sáu thứ văn ấy lần-lượt nhau, mỗi tháng in ra, ít nhất là *một quyển*, nhiều nhất chừng đến *4 quyển* ; mỗi quyển giá bán, ít nhất từ *0$15*, nhiều nhất chừng đến *0$35*. Khuôn-khổ và giấy in, các quyển đều theo như một.

Hiện đưa tại nhà in :

1.— **Tản-đà văn-tập quyển nhất.** (Luận-thuyết-loại. — Tức các văn ở hai quyển *Khối-tình bản chính và bản phụ* khi xưa, hợp in làm một. Có « lời tựa chung các sách của Tản-đà thư-cục » in ở đầu.

2.— **Thề-non-nước** (Tiểu-thuyết-loại.— Chuyện này hợp với *Kiếp phong-trần* cùng in làm một quyển, mà lấy theo ba chữ đây làm tên.)

Các giá bán lẻ và bán buôn như sao, sẽ có tiếp-tục tường-cáo.

Nay kính-cáo.

Tản-đà Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính trọng lương-tâm con nhà nghề

Người biết làm nghề gì đều phải kính-trọng nghề ấy, lúc nào lương tâm cũng bó buộc phải làm cho tròn bổn-phận, cho khỏi phụ với lời ủy-thác của người ta.

Một nghề đáng chú ý nhất là nghề dạy học.

Nhận cái chức-trách ông giáo, tức là phải chịu lời hứa, lòng tin của bao nhiêu phụ-huynh học-trò, phải mang một bổn-phận rất lớn là rèn đúc bao nhiêu khối óc non mới đặt ra đời còn bỡ-ngỡ. Khó khăn lắm! Thận trọng lắm! Giậy làm sao cho học-trò giỏi? Giậy làm sao cho học-trò hay? Mỗi cậu học-trò nhỏ kia là một phần-tử trong quốc-dân sẽ gánh vác công việc nước nhà sau này vậy.

Một người rất kính-trọng lời hứa, rất kính-trọng lương-tâm nhà nghề, hy-sinh vì sự giáo-dục trẻ em, tôi xin giới-thiệu ông đốc trường Song-Thanh : ông Hoàng-sĩ-Xuyến.

Một khu trường nguy-nga ở góc phố Hòa-mã và phố Jacquin, thường thấy hàng trăm rưởi trẻ em hớn-hở tấp-nập cắp sách đến học, ta nên để ý ông Xuyến mời những giáo-sư bực nào : Lớp nhất và lớp nhì, hai ông giáo ngang sức tú-tài tây ; lớp ba (tức sơ-đẳng) một ông giáo theo gần hết hạn Cao-đẳng tiểu-học, còn lớp cuối, các em còn nhỏ, giao cho một bà giáo nhu-mì ôn-hòa săn-sóc trông coi. Ông Xuyến còn mời được một nhà văn-sĩ đã có tiếng, kiêm họa-sĩ, thường ngày thứ năm thứ bảy, đến dạy các lớp trên về khoa Quốc-văn, Hán-văn và vẽ «perspective» nữa.

Vậy ông bà nào có trẻ em đi học tưởng chẳng nên quên :

Trường Song-Thanh

ở góc đường Hòa-Mã và Jacquin bên cạnh nhà rượu sau nghĩa-địa Saïgon

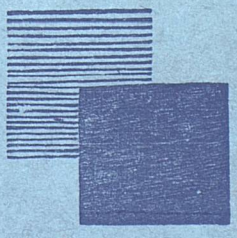

HỒNG-KHÊ

DƯỢC PHÒNG

81, Route de Hué — Hanoi

Téléphone 755

Là một hiệu thuốc có danh tiếng ở Đông-Pháp nhất là môn thuốc bệnh tình.

Các bạn hay chơi nên nhớ kỹ.

Xe ngựa, Xe ô-tô, Đòn cùng các đồ dùng đi đám hiếu

Muốn được kiểu lịch-sự, công việc nhanh tróng mà cẩn-thận nghiêm-trang, giá rẻ hơn các hiệu khác.

XIN HỎI HIỆU:

DƯ-MỸ

Số 10, phố hàng Quạt (10, rue des Éventails) Số 69, phố hàng Giầu (69, rue Fellonneau)

HANOI

Bản-hiệu chủ-nhân trước đã chủ-trương các hiệu Tế-Mỹ, Phúc-Tường, An-Linh, trông nom công việc ai cũng ngợi khen, hiện mới tổ-chức hiệu **DƯ-MỸ** *trong mấy tháng nay, lại hết công-tâm sửa các đồ nghi-trượng, thấn-dư, rất lịch-sự vững chãi, để dùng trong việc* **hiếu** *cho hợp cách tân-thời và thêm trân trọng cho nhà tang-chủ.*

Xe ngựa *có nhiều hạng từ* **10$00** *đến* **100$00**.

Xe ô-tô *rất lịch-sự giá tính tùy theo đám đi xa gần.*

Các xe, đòn *trước khi đi bản-hiệu chủ-nhân thân xem xét kỹ lưỡng, quyết không có sự dủi do ở dọc đường, (ngựa rất thuần, xe chắc chắn).*

Các nhà hiếu-chủ muốn lấy **xe, đòn, long-đình, lộ-bộ, cờ, biển** *đặt* **vòng hoa cườm, hoa giấy, hoa tươi,** *bản-hiệu xin có đủ các thứ* **cực-phẩm,** *kiểu đẹp gia rất phải chăng, chắc được các ngài vừa ý.*

Bản-hiệu lại nhận cả các việc **khai báo, xin phép** *không dám tính tiền, và việc* **khâm liệm, nhập qnan, xin đất** *vân vân.*

Ngài nào thấy công việc của bản-hiệu có điều gì không xứng ý xin viết thơ chỉ giáo, bản-hiệu sẽ vui lòng sửa đổi, cho ngày càng tận thiện tận mỹ thêm lên.

Sống thì phú-quí vinh-huê,
Thác xe Dư-Mỹ đưa về Tây-phương

DƯ-MỸ CHỦ-NHÂN kính bạch

舉美號
殯車馬
出賃局
賣花圈
價大賤
開報事
不取費錢

河內
正所行廟街十號
附所
行油街六十九號

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoï